|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH VĨNH LONG**  Số: 1392 /QĐ-UBND | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  *Vĩnh Long, ngày 04 tháng 7 năm 2018* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố thủ tục hành chính được chuẩn hoá**

**thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP, ngày 08/06/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP, ngày 14/5/2013 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP, ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP, ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2784/QĐ-BGTVT, ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố bổ sung, sửa đổi và thay thế thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải; Quyết định số 3133/QĐ-BGTVT, ngày 10/11/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT về việc công bố bổ sung, sửa đổi thủ tục hành chính thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 44/TTr-GTVT, ngày 26/6/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1**. Công bố kèm theo Quyết định này 09 (Chín) thủ tục hành chính mới ban hành; 37 (ba mươi bảy) thủ tục hành chính sửa đổi, 01 (Một) thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải, tỉnh Vĩnh Long.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Sở Giao thông vận tải:

- Niêm yết, công khai đầy đủ danh mục và nội dung thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết tại trụ sở, trang thông tin điện tử của đơn vị.

- Căn cứ cách thức thực hiện của từng thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này bổ sung vào Danh mục thủ tục hành chính thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính; Danh mục thủ tục hành chính không thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công bố.

- Tổ chức thực hiện đúng nội dung các thủ tục hành chính được công bố kèm theo Quyết định này.

**Điều 3**. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;  - TT.TU, TT.HĐND tỉnh;  - CT, các PCT UBND tỉnh;  - LĐVP UBND tỉnh;  - Phòng KSTTHC, KTN;  - Lưu: 1.20.05. | **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **Đã ký: Lê Quang Trung** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN**

**GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH VĨNH LONG**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1392 /QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)*

**PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

|  |  |
| --- | --- |
| **STT** | **Tên thủ tục hành chính** |
| **I. Lĩnh vực Đường bộ** | |
| 1 | Thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở |
| 2 | Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình |
| 3 | Thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình |
| 4 | Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng |
| 5 | Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định |
| 6 | Đăng ký khai thác tuyến |
| 7 | Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác |
| **II. Lĩnh vực Đường thuỷ nội địa** | |
| 1 | Chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tận thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa. |
| 2 | Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung. |

**2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục**  **hành chính** | **Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế** |
| **I. Lĩnh vực Đăng kiểm** | | | |
| 1 |  | Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo | - Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.  *- Rút ngắn thời gian giải quyết TTHC từ 07 ngày còn lại 05 ngày.* |
| **II. Lĩnh vực Đường bộ** | | | |
| 1 |  | Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác | Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT. |
| 2 |  | Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ | Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT. |
| 3 |  | Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động | - Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ.  **-** Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT. |
| 4 |  | Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe | Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ. |
| 5 |  | Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe đầu kéo | - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT;  - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT, ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  *- Rút ngắn thời gian từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 6 |  | Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe đầu kéo | - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT;  - Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT, ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  *- Rút ngắn thời gian từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 7 |  | Cấp phù hiệu xe nội bộ | - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT.  *- Rút ngắn thời gian từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 8 |  | Cấp lại phù hiệu xe nội bộ | - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT.  *- Rút ngắn thời gian từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 9 |  | Cấp phù hiệu xe Trung chuyển | - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT.  *- Rút ngắn thời gian từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 10 |  | Cấp lại phù hiệu xe Trung chuyển | - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT.  *- Rút ngắn thời gian từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 11 |  | Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch | - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTV;  - Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ văn hóa thể thao và du lịch.  *- Rút ngắn thời gian từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 12 |  | Cấp lại biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch | - Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTV;  - Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ văn hóa thể thao và du lịch  *- Rút ngắn thời gian từ 02 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 13 |  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu | - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT;  - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.  *- Rút ngắn thời gian từ 15 ngày làm việc còn 05 ngày làm việc.* |
| 14 |  | Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng | - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT;  - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.  *- Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 15 |  | Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến | - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT;  - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.  *- Rút ngắn thời gian từ 15 ngày làm việc còn 05 ngày làm việc.* |
| 16 |  | Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý | - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT;  - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.  *- Rút ngắn thời gian từ 10 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 17 |  | Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng | - Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT;  - Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT.  *- Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 18 |  | Cấp mới giấy phép lái xe | - Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  *- Rút ngắn thời gian từ 10 ngày làm việc còn 05 ngày làm việc.* |
| 19 |  | Đổi giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp | - Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  *- Rút ngắn thời gian từ 05 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 20 |  | Đổi giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp | - Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  *- Rút ngắn thời gian từ 05 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 21 |  | Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp | - Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  *- Rút ngắn thời gian từ 05 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 22 |  | Đổi giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài | - Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  *- Rút ngắn thời gian từ 05 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 23 |  | Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam | - Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  *- Rút ngắn thời gian từ 05 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 24 |  | Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác | - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải. |
| 25 |  | Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác | - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải. |
| 26 |  | Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường quốc lộ đang khai thác | - Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải. |
| **III. Lĩnh vực Đường thuỷ nội địa** | | | |
| 1 |  | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa | - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - *Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 2 |  | Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa | - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - *Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 3 |  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa | - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - *Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 4 |  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật | - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - *Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 5 |  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - *Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 6 |  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện | - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - *Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 7 |  | Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác | - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - *Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 8 |  | Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - *Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 9 |  | Xóa Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện | - Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.  - *Rút ngắn thời gian từ 03 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |
| 10 |  | Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải. | - Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014  - Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017.  *- Rút ngắn thời gian từ 05 ngày làm việc còn 01 ngày làm việc.* |

**3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính được thay thế** | **Tên thủ tục hành chính thay thế** | **Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** |
| **I. Lĩnh vực Đường bộ** | | | | | | |
| 1 |  | Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 | Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe điều kiện hoạt động | Nghị định số 65/2015/NĐ-CP, ngày 01/07/2015 của Chính phủ | Đường bộ | Sở Giao thông vận tải |

**PHẦN II. NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH VĨNH LONG**

**A. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.**

**I. Lĩnh vực Đường bộ**

**1. Thẩm định dự án, thẩm định thiết kế cơ sở.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì viết giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (mẫu số 03 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giao cho người nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 01 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) trao cho người nộp để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:** *(quy định tại Điều 6 Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng).*

***a) Thành phần hồ sơ:***

*\* Văn bản pháp lý:*

* Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 01 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;
* Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);
* Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);
* Quy hoạch 1/500 được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;
* Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
* Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có liên quan);
* Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị (nếu có liên quan);
* Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

*\* Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):*

* Hồ sơ khảo sát phục vụ lập dự án;
* Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
* Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh;

*\* Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:*

* Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
* Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

***b) Số lượng hồ sơ:*** **01** bộ (bản gốc).

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Thời gian thẩm định dự án:

* Không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án nhóm B.
* Không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án nhóm C.

+  Đối với thẩm định thiết kế cơ sở:

* Không quá 20 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án nhóm B.
* Không quá 15 ngày kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với dự án nhóm C.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo kết quả thẩm định dự án.

**- Phí, lệ phí:** Phí thẩm định dự án; thẩm định thiết kế cơ sở được tính theo tỷ lệ % theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính*.*

**- Tên mẫu đơn:** Tờ trình thẩm định dự án của Chủ đầu tư theo Mẫu số 01, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Xây dựng số số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về  quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

+ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

+ Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

+ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về ban hành quy định về phân cấp quản lý đầu tư và đấu thầu dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: …………. | *…………., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở**

Kính gửi: (Cơ quan chủ trì thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan ...

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)**

1. Tên dự án: .............................................................................................

2. Nhóm dự án: ..........................................................................................

3. Loại và cấp công trình: ...........................................................................

4. Người quyết định đầu tư: ...........................................................................

5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):

6. Địa điểm xây dựng: ...................................................................................

7. Giá trị tổng mức đầu tư: ............................................................................

8. Nguồn vốn đầu tư: ....................................................................................

9. Thời gian thực hiện: ......................................................................................

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: ...........................................................

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: .................................................

12. Các thông tin khác (nếu có): ...........................................................................

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;

- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);

- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;

Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan chủ trì thẩm định) thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** *(Ký, ghi rõ họ tên,*  *chức vụ và đóng dấu)* **Tên người đại diện** |

**2. Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì viết giấy tiếp nhận hồ sơ, và hẹn trả kết quả (mẫu số 03 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giao cho người nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 01 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) trao cho người nộp để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định dừng việc thẩm định, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ** *(quy định tại Điều 6 Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng).*

***a) Thành phần hồ sơ:***

* Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP;
* Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);
* Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
* Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
* Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
* Hồ sơ khảo sát xây dựng;
* Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
* Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.
* Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:
* Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
* Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
* Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);
* Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt;
* Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).
* Và các văn bản khác có liên quan (nếu có).

***b) Số lượng hồ sơ:*** 01 bộ (bản gốc).

**- Thời hạn giải quyết:** Không quá 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

**- Phí, lệ phí:** Phí thẩm định dự án; thẩm định thiết kế cơ sở được tính theo tỷ lệ % theo quy định tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC và Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính*.*

**- Tên mẫu đơn:** Tờ trình thẩm định dự án của Chủ đầu tư theo Mẫu số 04, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ (có kèm theo thủ tục).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Xây dựng số số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về  quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

+ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

+ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

+ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long Ban hành quy định quản lý đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

+ Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về ban hành quy định về phân cấp quản lý đầu tư và đấu thầu dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

**Mẫu số 04**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……….. | *………, ngày ….. tháng ….. năm ….* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình: ..................................................................................

2. Loại, cấp, quy mô công trình: ................................................................

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,….):

4. Địa điểm xây dựng: ..........................................................................................

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...................................................

6. Nguồn vốn đầu tư: ...................................................................................

7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: ................................................

8. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .......................................................

9. Các thông tin khác có liên quan: ...........................................................

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình…. với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*  **Tên người đại diện** |

**3. Thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì viết giấy tiếp nhận hồ sơ, và hẹn trả kết quả ( mẫu số 03 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giao cho người nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 01 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) trao cho người nộp để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ. Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu của cơ quan thẩm định, **nếu người đề nghị thẩm định không thực hiện việc bổ sung hồ sơ thì cơ quan thẩm định** **dừng việc thẩm định**, người đề nghị thẩm định trình thẩm định lại khi có yêu cầu.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ** *(quy định tại Điều 6 Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng).*

***a) Thành phần hồ sơ:***

* Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;
* Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;
* Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);
* Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);
* Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;
* Các văn bản khác có liên quan.
* Hồ sơ khảo sát xây dựng;
* Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;
* Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.
* Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;
* Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);
* Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

***b) Số lượng hồ sơ:*** 01 bộ (bản gốc).

**- Thời hạn giải quyết:**

* Không quá 30 (ba mươi) ngày đối với công trình cấp II và cấp III;
* Không quá 20 (hai mươi) ngày đối với các công trình còn lại.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo kết quả thẩm định báo cáo kinh tế kỹ thuật xây dựng công trình.

**- Phí, lệ phí:** Phí thẩm định dự án; thẩm định thiết kế cơ sở được tính theo tỷ lệ % theo quy định tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính*.*

**- Tên mẫu đơn:** Tờ trình thẩm định dự án của Chủ đầu tư theo Mẫu số 06, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ (có kèm theo thủ tục).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Xây dựng số số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về  quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ Về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

+ Văn bản hợp nhất số 02/VBHN-BXD ngày 15/12/2016 của Bộ Xây dựng Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

+ Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng, phí thẩm định thiết kế cơ sở;

+ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Quyết định số 23/2016/QĐ-UBND ngày 06/7/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long Ban hành quy định quản lý đầu tư các dự án đầu tư sử dụng nguồn vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước;

+ Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của UBND tỉnh Vĩnh Long về ban hành quy định về phân cấp quản lý đầu tư và đấu thầu dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư công.

**Mẫu số 06**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN TỔ CHỨC -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: ……….. | *………, ngày … tháng …. năm ……..* |

**TỜ TRÌNH**

**Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình**

Kính gửi: (Cơ quan thẩm định)

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng công trình

**I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH**

1. Tên công trình: ..............................................................................................

2. Cấp công trình: .............................................................................................

3. Thuộc dự án: Theo quyết định đầu tư được phê duyệt ................................

4. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ,...): ............

5. Địa điểm xây dựng: ..........................................................................................

6. Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...........................................................

7. Nguồn vốn đầu tư: ............................................................................................

8. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: .......................................................

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: .......................................................................

10. Các thông tin khác có liên quan: ................................................................

**II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM**

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình;

- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu: | **ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*    **Tên người đại diện** |

**4. Kiểm tra công tác nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2: *Tối thiểu trước 10 ngày đối với các công trình còn lại so với ngày chủ đầu tư dự kiến tổ chức nghiệm thu*** thì chủ đầu tư phải nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì viết giấy tiếp nhận hồ sơ, và hẹn trả kết quả ( mẫu số 03 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giao cho người nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 01 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) trao cho người nộp để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ***.*

***a) Thành phần hồ sơ:***

* Báo cáo hoàn thành công trình, phụ lục công trình (theo mẫu 02, phụ lục V của Thông tư 26/2016/TT-BXD)
* Hồ sơ nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng.

***b) Số lượng hồ sơ:*** **01** bộ (bản gốc).

**- Thời hạn giải quyết:**

* Sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Giao thông vận tải thông báo bằng văn bản về Kế hoạch kiểm tra;
* Sở Giao thông vận tải tổ chức kiểm tra theo Kế hoạch và ra văn bản về kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư trong thời hạn 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra. Trong trường hợp chủ đầu tư phải thực hiện giải trình, khắc phục các tồn tại (nếu có), thí nghiệm đối chứng, thử tải, kiểm định chất lượng bộ phận, hạng mục, công trình theo yêu cầu của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì thời hạn nêu trên được tính từ khi chủ đầu tư hoàn thành các yêu cầu này.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu.

**- Phí, lệ phí:** Không có (chi phí để thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư và do Chủ đầu tư thanh toán theo thực tế).

**- Tên mẫu đơn:** Báo cáo hoàn thành công trình, phụ lục công trình (theo mẫu 02, phụ lục V của Thông tư 26/2016/TT-BXD).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Xây dựng số số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014.

+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

+ Quyết định số 30/2015/QĐ-UBND ngày 23/12/2015 của UBND tỉnh Vĩnh Long về ban hành quy định về phân cấp trách nhiệm quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

**Mẫu số 02**

|  |  |
| --- | --- |
| ……… (1) ………….. -------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ................. | *.........., ngày......... tháng......... năm.........* |

**BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Kính gửi : (2)

..... (1)...... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau :

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:

2. Địa điểm xây dựng

3. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).

4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).

5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).

6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.

7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.

8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.

9. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

Đề nghị ….(1)…. tổ chức kiểm tra hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu ... | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CHỦ ĐẦU TƯ** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)* |

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

***Ghi chú:***

(1) Tên của chủ đầu tư.

(2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định 46/2015/NĐ-CP.

**5. Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách theo tuyến cố định.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì viết giấy tiếp nhận hồ sơ, và hẹn trả kết quả ( mẫu số 03 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giao cho người nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 01 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) trao cho người nộp để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

*a) Thành phần hồ sơ:*

+ Đơn đăng ký lựa chọn (theo Mẫu số 1 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT).

+ Giấy ủy quyền (theo Mẫu số 2 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT).

+ Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô theo tuyến cố định.

+ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng ô tô (theo Mẫu số 3 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT).

+ Bảng kê phương tiện vận tải hành khách (theo Mẫu số 4 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT).

+ Bảng đăng ký phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (Mẫu số 5 Thông tư 92/2015/TT-BGTVT). Kế hoạch bảo dưỡng phương tiện.

+ Kê khai năng lực bảo dưỡng phương tiện (theo Mẫu số 6 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT).

+ Đăng ký lao động huy động thực hiện giờ chạy xe (theo Mẫu số 7 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT).

+ Bảng kê chất lượng dịch vụ. Đảm bảo an toàn giao thông. Kế hoạch bảo đảm an toàn giao thông (theo Mẫu số 8 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT). Quy trình bảo đảm an toàn giao thông (theo Mẫu số 9 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT). Bảng kê đánh giá kỹ thuật (theo Mẫu số 10 ban hành kèm theo Thông tư 92/2015/TT-BGTVT).

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 21 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải;

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn.

**- Phí, lệ phí:** Không có.

**- Tên mẫu đơn:**

+ Giấy đăng ký khai thác tuyến;

+ Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô;

+ Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

+ Có hồ sơ đầy đủ theo quy định tại Phụ lục 4 Thông tư 92/2015/TT-BGTVT;

+ Không có tên trong hai hoặc nhiều Hồ sơ lựa chọn;

+ Đơn vị tham gia lựa chọn không đang trong thời gian bị đình chỉ tham gia khai thác tuyến vận tải hành khách cố định;

+ Đơn vị tham gia lựa chọn không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 92/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về quy trình lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định bằng xe ô tô.

**Mẫu số 1**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *……., ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**ĐƠN ĐĂNG KÝ LỰA CHỌN***(1)*

**Kính gửi:** \_\_\_\_\_\_\_\_\_*[Ghi tên Sở GTVT tổ chức lựa chọn]*

(sau đây gọi là cơ quan tổ chức lựa chọn)

Sau khi nghiên cứu biểu đồ chạy xe công bố trên Trang Thông tin điện tử của Sở GTVT:…………….., đơn vị: …………..*(Ghi tên đơn vị đăng ký lựa chọn)*, đăng ký khai thác vận tải hành khách tuyến cố định bằng xe ô tô tại các giờ xe xuất bến ………….. *(Ghi các giờ xe xuất bến đăng ký khai thác)*.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ đăng ký lựa chọn này với tư cách là đơn vị đăng ký lựa chọn chính.

2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

3. Không trong thời gian bị cấm khai thác vận tải hành khách tuyến cố định.

4. Những thông tin kê khai trong Hồ sơ đăng ký lựa chọn là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông đồng khi tham dự lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách cố định này.

5. Thực hiện đúng các đề xuất về kỹ thuật và phương án tổ chức đưa ra trong Hồ sơ đăng ký lựa chọn trong suốt quá trình khai thác tuyến vận tải hành khách cố định.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn**(2) *(Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu)* |

Ghi chú:

(1) Đơn vị tham gia lựa chọn lưu ý ghi đầy đủ và chính xác các thông tin về tên của cơ quan tổ chức lựa chọn, đơn vị đăng ký lựa chọn, được đại diện hợp pháp của đơn vị đăng ký lựa chọn ký tên, đóng dấu.

(2) Trường hợp đại diện theo pháp luật của đơn vị ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đăng ký lựa chọn thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2; trường hợp tại điều lệ công ty hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đăng ký lựa chọn thì phải gửi kèm theo các văn bản này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2). Nếu được xếp hạng thứ nhất trong danh sách các đơn vị đăng ký lựa chọn, trước khi ra quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn, đơn vị phải trình cơ quan lựa chọn bản sao có chứng thực các văn bản này. Trường hợp phát hiện thông tin kê khai ban đầu là không chính xác thì Đơn vị tham gia lựa chọn bị coi là gian lận và Hồ sơ lựa chọn được coi là không hợp lệ.

**Mẫu số 2**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**GIẤY ỦY QUYỀN**1

Hôm nay, ngày ….. tháng .... năm ……... tại …….

Tôi là ……… *(Ghi tên, số GCMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của đơn vị)*, là người đại diện theo pháp luật của …………. *(Ghi tên đơn vị)* có địa chỉ tại ……….*(Ghi địa chỉ của đơn vị)* bằng văn bản này ủy quyền cho ………… *(Ghi tên, số GCMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền)* thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham dự lựa chọn đơn vị khai thác trên tuyến vận tải hành khách cố định ……………… *(Ghi tên tuyến vận tải hành khách cố định tổ chức lựa chọn)* do ………….. *(Ghi tên cơ quan tổ chức lựa chọn)* tổ chức:

*[-Ký đơn đăng ký lựa chọn;*

*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với cơ quan tổ chức lựa chọn trong quá trình tham gia lựa chọn, kể cả văn bản giải trình, làm rõ Hồ sơ lựa chọn; ký văn bản sửa đổi, thay thế, rút Hồ sơ lựa chọn;*

*- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp đơn vị có kiến nghị;*

*- Ký kết hợp đồng với các bến xe nếu được lựa chọn.]2*

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ……………. *(Ghi tên đơn vị)*…………….. *(Ghi tên người đại diện theo pháp luật của đơn vị)* chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ……………. *(Ghi tên người được ủy quyền)* thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ….. đến ngày ….. 3. Giấy ủy quyền này được lập thành …..bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ….. bản, người được ủy quyền giữ ….. bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Người được ủy quyền** *[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu (nếu có)]* | **Người ủy quyền** *[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của đơn vị, chức danh, ký tên và đóng dấu]* |

**Ghi chú:**

1 Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho cơ quan tổ chức lựa chọn cùng với đơn đăng ký lựa chọn. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của đơn vị cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của đơn vị để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của đơn vị thực hiện một, một số hoặc hay toàn bộ các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của đơn vị hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

2Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

3 Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia lựa chọn.

**Mẫu số 3**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
|  | *………, ngày ….. tháng ….. năm …….* |

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN**

**VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến: …………………………………………………………………………

Tên tuyến: ………………....đi............................................................... và ngược lại.

Bến đi:………………………………………………………………………………

Bến đến: ……………………………………………………………………………

Cự ly vận chuyển: ……………………………… km.

Hành trình: …………………………………………………………………………

**II. Biểu đồ chạy xe:**

1. Số chuyến (nốt (tài)) …………………. trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:***……………………..

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày ………………..

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc….. giờ.....phút, vào các ngày …………………

- …

***b) Chiều về: xuất bến tại:*** …………………………….

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày ………………..

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc….. giờ.....phút, vào các ngày …………………

- …

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ……… giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

***a) Chiều đi: xuất bến tại: ……….***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến: ………………….

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến: ……………………..

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

***b) Chiều về: xuất bến tại:……………….***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến: ……………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến: ……………………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |

**III. Đoàn phương tiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhãn hiệu xe** | **Năm sản xuất** | **Sức chứa** | **Tiêu chuẩn khí thải** | **Số lượng (chiếc)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | … | … | … | … | … |
|  | Tổng cộng |  |  |  |  |

**IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nốt (tài) | Số lượng lái xe | Số lượng nhân viên phục vụ | Ghi chú |
| 1 | Nốt (tài) 1 |  |  |  |
| 2 | Nốt (tài) 2 |  |  |  |
|  | … |  |  |  |

**V. Giá vé và cước hành lý:**

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến: …………… đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ ……. đến …….): ………..đồng/HK.

- Chặng 1 (từ ……. đến …….): ………..đồng/HK.

- Chặng ……………..

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước: ………………………..….kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước: ………………đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe: ……………………………….

b) Bán vé tại đại lý: ……………………… (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng: ……………… (địa chỉ trang web).

**VI. Xe trung chuyển (nếu có):**

- Loại xe: ………………, sức chứa: ……………., năm sản xuất

- Số lượng xe: …………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 4**

**BẢNG KÊ KHAI PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**

Tổng số lượng phương tiện vận tải hành khách của đơn vị: ………………..xe.

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Biển số xe** | **Mác xe** | **Năm sản xuất** | **Sức chứa (hoặc số ghế) của xe** | **Lắp đặt TBGSHT** | | **Ghi chú** |
| Có | Chưa |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |

***Ghi chú:*** Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:

- Bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô;

- Giấy tờ chứng minh quyền quản lý, sử dụng hợp pháp (nếu phương tiện không thuộc sở hữu của đơn vị);

- Tên và tài khoản truy cập dữ liệu thiết bị GSHT của xe.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 5**

**BẢNG ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN HUY ĐỘNG THỰC HIỆN   
GIỜ CHẠY XE**

1. Số lượng phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (nốt xe): ………… xe.

2. Danh sách xe đăng ký:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Biển số xe** | **Mác xe** | **Năm sản xuất** | **Loại ghế ngồi** | | **Các trang thiết bị khác trên xe (1)** | | | | |
| **Ghế có tựa lưng điều chỉnh hoặc giường nằm** | **Ghế có tựa lưng cố định** | **Điều hòa nhiệt độ** | **Wifi** | **Video** | **Công cụ hỗ trợngười khuyết tật** | **Dụng cụ che nắng** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

3. Thời gian sử dụng bình quân của các phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (nốt xe)(2):……………….. năm.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Ghi chú:**

(1): Nếu có nội dung này các đơn vị điền vào bảng, nếu không có để trống.

(2): Thời gian sử dụng bình quân của phương tiện: Là tổng số năm của từng phương tiện tính từ năm phương tiện được sản xuất đến năm hiện tại chia cho số lượng phương tiện.

**Mẫu số 6**

**NĂNG LỰC BẢO DƯỠNG PHƯƠNG TIỆN**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung** | **Trực tiếp của đơn vị** | **Đơn vị thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng** | **Đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng** | **Ghi chú** |
| 1 | Năng lực bảo dưỡng phương tiện |  |  |  |  |

**Ghi chú:**

- Đối với đơn vị trực tiếp bảo dưỡng phương tiện cần kê khai chi tiết quy mô nhà xưởng, các loại trang thiết bị phục vụ công tác bảo dưỡng kèm theo tài liệu chứng minh.

- Đối với trường hợp thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng: đơn vị cung cấp hợp đồng thuê bảo dưỡng kèm theo.

- Đối với trường hợp đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng: đơn vị cung cấp biên bản giao hoặc các tài liệu chứng minh khác kèm theo.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 7**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *…………., ngày ….. tháng ….. năm …….* |

**ĐĂNG KÝ LAO ĐỘNG HUY ĐỘNG THỰC HIỆN GIỜ CHẠY XE**

**1. Tổng số lao động:**

- Số lái xe: ……………. người

- Số nhân viên phục vụ:……………..người

**2. Danh sách lái xe cụ thể được thể hiện trong bảng sau:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Lái xe** | **Số năm thâm niên** | **Số năm làm việc tại đơn vị** | **Tập huấn** | |
| **Có chứng chỉ tập huấn còn thời hạn** | **Không có chứng chỉ tập huấn hoặc có nhưng hết thời hạn** |
| 1 | ………… |  |  |  |  |
| 2 | ………… |  |  |  |  |
| …. | ………… |  |  |  |  |
| .... | ………… |  |  |  |  |

**- Số năm thâm niên bình quân của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ chạy xe đang xét:.... Năm***(Thâm niên bình quân của lái xe: được xác định bằng tổng số năm từ khi có GPLX phù hợp với loại xe được bố trí hoạt động cho giờ xe đang xét đến thời điểm hiện tại của từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ chạy xe đang xét).*

**- Số năm làm việc bình quân tại đơn vị của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét: ….. năm** *(Thời gian làm việc bình quân của lái xe tại đơn vị: được xác định bằng tổng số tháng đơn vị đóng bảo hiểm xã hội cho từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ chạy xe đang xét (trừ các lái xe đã nghỉ hưu theo chế độ nhưng vẫn tiếp tục hành nghề theo hợp đồng lao động đã ký với đơn vị tham gia lựa chọn để điều khiển loại xe từ 10 đến 30 chỗ ngồi).*

**3. Danh sách nhân viên phục vụ cụ thể được thể hiện trong bảng sau:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhân viên phục vụ** | **Ghi chú** |
| 1 | ………………………… |  |
| 2 | ………………………… |  |
| … | ………………………… |  |
| … | ………………………… |  |

**Ghi chú:**

Đơn vị nộp các tài liệu chứng minh kèm theo:

- Lái xe: Hợp đồng lao động; Bản sao Giấy phép lái xe; Sổ bảo hiểm xã hội của lái xe.

- Nhân viên phục vụ: Hợp đồng lao động.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 8**

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ………/…………. | *…………., ngày ….. tháng ….. năm …….* |

**KẾ HOẠCH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG**

**I. Tổ chức đảm bảo an toàn giao thông của đơn vị vận tải**

1. Cơ cấu tổ chức: mô hình, chức năng nhiệm vụ các phòng, ban.

2. Người phụ trách bộ phận an toàn: họ tên, trình độ, chuyên ngành.

3. Tổ chức bộ phận theo dõi an toàn giao thông của đơn vị vận tải.

4. Công tác lắp đặt, theo dõi, sử dụng dữ liệu từ thiết bị giám sát hành trình; trang bị máy tính, đường truyền kết nối mạng.

5. Công tác tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động, khám sức khỏe cho lái xe.

**II. Kế hoạch tổ chức vận tải an toàn**

1. Đối với hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định:

- Kế hoạch đảm bảo an toàn phương tiện: tổng số phương tiện, số xe vận doanh bình quân, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, sửa chữa phương tiện, nội dung kiểm tra kỹ thuật an toàn phương tiện trước khi đưa xe ra hoạt động hàng ngày (bao gồm kiểm tra trạng thái hoạt động của thiết bị giám sát hành trình xe).

- Lịch trình vận tải cho các chuyến xe trong một chu kỳ vận tải (một vòng xe chạy, bao gồm thời gian dừng đón, trả khách và thời gian dừng nghỉ bắt buộc) trên các tuyến đảm bảo không chạy quá tốc độ.

- Kế hoạch tổ chức lao động cho lái xe và nhân viên phục vụ: tổng số lái xe có giấy phép lái xe đúng quy định, số lái xe bình quân đủ điều kiện làm việc; số giờ lái xe làm việc trong ngày (24 tiếng)/số giờ xe hoạt động trên tuyến trong ngày (24 tiếng).

- Các nội dung đảm bảo an toàn giao thông khác.

**III. Tuyên truyền, giáo dục về an toàn giao thông**

Kế hoạch tổ chức tuyên truyền, phổ biến quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông và giáo dục đạo đức nghề nghiệp, tập huấn nghiệp vụ cho đội ngũ lái xe, nhân viên phục vụ (nếu có).

**IV. Kiểm tra, giám sát về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông**

1. Theo dõi, giám sát việc thực hiện quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe thông qua thiết bị GSHT của xe ô tô:

- Xây dựng phương pháp và biểu mẫu thống kê số lần vi phạm theo các tiêu chí về hành trình, vận tốc, thời gian lái xe liên tục, dừng đỗ không đúng quy định;

- Thủ tục, phương tiện, cách thức cảnh báo cho lái xe trong khi đang điều khiển phương tiện;

- Biện pháp xử lý, khắc phục hậu quả khi xảy ra tai nạn giao thông đối với phương tiện của đơn vị.

2. Thanh tra, kiểm tra và xử lý các hành vi vi phạm các quy định về trật tự, an toàn giao thông của lái xe và nhân viên phục vụ trên xe (nếu có).

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……., ngày …… tháng.... năm …….* **Đại diện hợp pháp của đơn vị** (Ghi rõ tên, chức danh, ký tên và đóng dấu) |

**Mẫu số 9**

**QUY TRÌNH BẢO ĐẢM AN TOÀN GIAO THÔNG**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Bước** | **Nội dung** | **Tổ chức, cá nhân thực hiện** | **Thời điểm thực hiện** |
| **1** | - Tập hợp, phân tích các dữ liệu về hoạt động của từng phương tiện trong quá trình thực hiện nhiệm vụ vận chuyển của lần gần nhất thông qua thiết bị giám sát hành trình (đối với các phương tiện lắp đặt thiết bị GSHT) và qua các biện pháp quản lý khác của đơn vị, từ đó đánh giá ưu, nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất;  - Tiếp nhận và xử lý các đề xuất, phản ánh của lái xe về các vấn đề liên quan đến ATGT. | Bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị VT bắt buộc phải có) hoặc cán bộ được phân công theo dõi ATGT tại các đơn vị VT khác;  (Sau đây gọi là: Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT). | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe. |
| - Tập hợp các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, tìm hiểu và nắm bắt các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển...;  - Bố trí xe và lái xe thực hiện nhiệm vụ vận chuyển (đảm bảo thời gian làm việc của lái xe theo đúng quy định). | Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng). | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe. |
| **2** | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng) chuyển các thông tin tại bước 1 cho cán bộ được lãnh đạo phân công trực tiếp giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT và Bộ phận kế hoạch, điều độ (hoặc cán bộ tiếp nhận yêu cầu vận chuyển của khách hàng). | Trước khi giao nhiệm vụ vận chuyển mới cho lái xe. |
| **3** | Giao nhiệm vụ vận chuyển cho lái xe:  - Kiểm tra Giấy phép lái xe; Giấy chứng nhận kiểm định; đăng ký xe; Lệnh vận chuyển (đối với vận chuyển khách theo tuyến cố định, xe buýt);  - Giao cho lái xe các giấy tờ khác phải mang theo như: Hợp đồng vận tải, giấy vận tải …;  - Thông báo cho lái xe những ưu, nhược điểm của lái xe trong lần thực hiện nhiệm vụ vận chuyển gần nhất.  - Thông báo cho lái xe các yêu cầu vận chuyển của khách hàng, các điều kiện, đặc điểm về hàng hóa, hành khách, tuyến đường, thời tiết, thời gian vận chuyển ...;  - Kiểm tra nồng độ cồn đối với lái xe (nếu có thiết bị);  - Ghi chép vào Sổ giao nhiệm vụ cho lái xe (theo mẫu số 1), lái xe ký xác nhận. | Cán bộ được lãnh đạo phân công và lái xe. | Trước khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển. |
| **4** | Kiểm tra tình trạng an toàn kỹ thuật của phương tiện:  - Xác nhận lái xe qua thiết bị GSHT (đối với xe có lắp đặt) và kiểm tra tình trạng sẵn sàng hoạt động của thiết bị GSHT;  - Kiểm tra nước làm mát, dầu động cơ, bình điện, các dây cu roa;  - Kiểm tra hệ thống lái;  - Kiểm tra các bánh xe (độ chặt của bu lông bánh xe, tình trạng và áp suất của lốp);  - Khởi động phương tiện và kiểm tra hoạt động của gạt nước, còi và các loại đèn;  - Kiểm tra hoạt động của hệ thống phanh (thắng);  - Ghi chép kết quả kiểm tra vào biểu Kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật (theo Mẫu số 2), ký xác nhận và chuyển biểu mẫu cho cán bộ được lãnh đạo phân công. | Lái xe được giao nhiệm vụ vận chuyển. | Sau khi được giao nhiệm vụ và trước khi cho xe khởi hành. |
| **5** | Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT tiếp nhận biểu Kết quả kiểm tra an toàn kỹ thuật từ các lái xe và ký xác nhận:  - Nếu tất cả các nội dung kiểm tra đều đạt yêu cầu, xe được phép thực hiện nhiệm vụ vận chuyển;  - Nếu có nội dung không đảm bảo yêu cầu, thì tùy theo mức độ sẽ cho sửa chữa, khắc phục ngay hoặc dừng xe đưa vào sửa chữa, đồng thời thông báo cho bộ phận điều độ bố trí xe khác thay thế;  - Tập hợp, lưu trữ vào Hồ sơ theo dõi an toàn của từng phương tiện. | Cán bộ thuộc bộ phận quản lý các điều kiện về ATGT (đối với các đơn vị có bộ phận ATGT) hoặc cán bộ được lãnh đạo phân công. | Trước khi xe khởi hành thực hiện nhiệm vụ vận chuyển. |
| **6** | - Theo dõi quá trình hoạt động của phương tiện khi thực hiện nhiệm vụ vận chuyển qua thiết bị GSHT, nhắc nhở lái xe khi phát hiện chạy quá tốc độ và các nguy cơ gây mất ATGT (áp dụng cho các phương tiện có lắp đặt thiết bị GSHT);  - Thống kê các lỗi vi phạm về tốc độ xe chạy, báo cáo Lãnh đạo đơn vị xử lý;  - Tổng hợp các sự cố mất an toàn giao thôngtrong quá trình xe hoạt động kinh doanh vận tải trên đường. Đưa ra phương án xử lý khi xảy ra các sự cố gây mất an toàn giao thông. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT. | Khi xe đang hoạt động trên đường. |
| **7** | - Thực hiện nghiêm các quy định về an toàn giao thông trong quá trình điều khiển phương tiện vận chuyển hành khách và hàng hóa;  - Báo cáo ngay thời gian, địa điểm và nguyên nhân khi xảy ra sự cố mất an toàn giao thông để đơn vị có biện pháp xử lý. | Lái xe. | Khi xe đang hoạt động trên đường. |
| **8** | - Thống kê số vụ, nguyên nhân, mức độ TNGT đã xảy ra của từng lái xe (nếu có);  - Xây dựng và thực hiện phương án xử lý khi xảy ra sự cố gây mất an toàn giao thông trong quá trình kinh doanh vận tải;  - Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm đối với các tai nạn giao thông xảy ra trong quá trình kinh doanh vận tải. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT. | Theo tháng, quý, năm. |
| **9** | - Thống kê quãng đường đã thực hiện được;  - Trên cơ sở thống kê quãng đường xe đã thực hiện, căn cứ vào chế độ bảo dưỡng, sửa chữa phương tiện để thực hiện bảo dưỡng phương tiện theo đúng kỳ cấp;  - Thống kê và theo dõi kết quả bảo dưỡng, sửa chữa của từng phương tiện. | Bộ phận (cán bộ) quản lý các điều kiện về ATGT. | Sau khi kết thúc hành trình. |

**Mẫu số 10**

**BẢNG KÊ ĐÁNH GIÁ KỸ THUẬT**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung kỹ thuật** | **Chỉ tiêu** | **Cách ghi** | **Ghi chú** |
| **I** | **Phương tiện vận chuyển** |  |  |  |
| ***1.1*** | ***Thời gian sử dụng bình quân của các phương tiện huy động thực hiện giờ xe xuất bến (nốt xe) đang xét*** |  | Ghi số năm |  |
| ***1.2*** | ***Loại ghế ngồi*** |  |  |  |
| a | Ghế có tựa lưng điều chỉnh hoặc giường nằm |  | Đánh dấu vào loại ghế của phương tiện |  |
| b | Ghế có tựa lưng cố định |  |  |
| ***1.3*** | ***Các trang bị khác trên xe*** |  |  |  |
| a | Điều hòa nhiệt độ |  | Có/không |  |
| b | Wifi |  |  |
| c | Video |  |  |
| d | Công cụ hỗ trợ người khuyết tật |  |  |
| e | Dụng cụ che nắng |  |  |
| **II** | **Năng lực bảo dưỡng phương tiện** |  |  |  |
| ***2.1*** | ***Trực tiếp của đơn vị*** |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
| ***2.2*** | ***Đơn vị thuê đơn vị khác thực hiện dịch vụ bảo dưỡng*** |  |  |
| ***2.3*** | ***Đơn vị giao cho lái xe, chủ xe tự bảo dưỡng*** |  |  |
| **III** | **Lái xe** |  |  |  |
| ***3.1*** | ***Số năm thâm niên bình quân của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét*** |  | Ghi số năm |  |
| ***3.2*** | ***Số năm làm việc bình quân tại đơn vị của các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét*** |  | Ghi số năm |  |
| 3.3 | Tất cả các lái xe bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét đều có chứng chỉ tập huấn còn thời hạn |  | Có/không |  |
| **IV** | **Chất lượng dịch vụ vận tải** |  |  |  |
| ***4.1*** | ***Đón trả khách*** |  |  |  |
| a | Chạy suốt không đón trả khách dọc đường |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
| b | Có đón, trả khách tại các điểm dừng đón trả khách đã được cơ quan có thẩm quyền công bố |  |  |
| c | Có đón, trả khách tại các điểm dừng đón trả khách không được cơ quan có thẩm quyền công bố |  |  |
| ***4.2*** | ***Hành trình chạy xe*** |  |  |  |
| a | Hành trình chạy xe đúng theo tuyến đã được cơ quan có thẩm quyền công bố |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
| b | Hành trình chạy xe không đúng theo tuyến đã được cơ quan có thẩm quyền công bố |  |  |
| ***4.3*** | ***Điểm dừng nghỉ dọc hành trình***  (Áp dụng đối với các tuyến có thời gian thực hiện hành trình từ 04 tiếng trở lên) |  |  |  |
| a | Vào trạm dừng, nghỉ đã được cơ quan quản lý công bố và có ký hợp đồng phục vụ |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
| b | Vào điểm dừng nghỉ có ký hợp đồng phục vụ và cam kết chất lượng phục vụ |  |  |
| c | Không dừng nghỉ hoặc có vào điểm dừng nghỉ nhưng không ký hợp đồng phục vụ |  |  |
| ***4.4*** | ***Quyền lợi của hành khách*** |  |  |  |
| a | Có quy định và cam kết thực hiện bồi thường cho hành khách theo quy định của pháp luật khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến |  | Đánh dấu vào phương án đề xuất |  |
|  | Có quy định và cam kết thực hiện bồi thường có lợi hơn cho hành khách so với mức quy định của pháp luật khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến. |  |  |
|  | Có quy định và cam kết thực hiện bồi thường cho hành khách theo đúng quy định của pháp luật khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến |  |  |
|  | Không có quy định và cam kết thực hiện bồi thường cho hành khách khi hành khách hoàn trả vé trước giờ xe xuất bến |  |  |
| b | Có quy định và cam kết thực hiện các quy định khác có lợi cho hành khách ngoài các quy định của pháp luật |  | Có/Không |  |

**\* Ghi chú:** Hướng dẫn cụ thể các xác định một số chỉ tiêu

**1. Đối với phương tiện**

Thời gian sử dụng bình quân của phương tiện: Là tổng số năm của từng phương tiện tính từ năm phương tiện được sản xuất đến năm hiện tại chia cho số lượng phương tiện.

**2. Đối với lái xe**

**2.1.** Thâm niên bình quân của lái xe: được xác định bằng tổng số năm từ khi có GPLX phù hợp với loại xe được bố trí hoạt động cho giờ xe đang xét đến thời điểm hiện tại của từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét.

**2.2.**Thời gian làm việc bình quân của lái xe tại đơn vị: được xác định bằng tổng số tháng đơn vị đóng bảo hiểm xã hội cho từng lái xe chia cho số lái xe được đơn vị bố trí hoạt động cho giờ xe xuất bến đang xét (trừ các lái xe đã nghỉ hưu theo chế độ nhưng vẫn tiếp tục hành nghề theo hợp đồng, lao động đã ký với đơn vị vận tải để điều khiển loại xe từ 10 đến 30 chỗ ngồi).

***Mẫu:***

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:.........** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI  
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở GTVT...............

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....................................................................................

2. Địa chỉ:..........................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.......................................................................................

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi............ tỉnh đến.........; Bến đi........... Bến đến............. như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:................

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**6. Thủ tục đăng ký khai thác tuyến**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:*

Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác).

Công chức lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức.

*+ Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính **3.Thành phần, số lượng hồ sơ:**

***a)* *Thành phần hồ sơ*:**

- Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu quy định tại phụ lục 2a thông tư 60/2015/TT-BGTVT

- Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách bằng xe ô tô phụ lục 15 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT

- Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định phụ lục 7 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT

***b)* *Số lượng hồ sơ: 01  bộ***

**- Thời hạn giải quyết:**

+ Sở Giao thông vận tải tiếp nhận hồ sơ đăng ký khai thác tuyến và công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở các thông tin về: tên doanh nghiệp, hợp tác xã, tuyến, giờ xe chạy và thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, Sở Giao thông vận tải phải kiểm tra hồ sơ và trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở việc doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công hoặc không thành công. Trường hợp đăng ký khai thác tuyến không thành công, Sở Giao thông vận tải phải thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác xã và nêu rõ lý do. Các thông tin liên quan đến đăng ký khai thác tuyến phải được Sở Giao thông vận tải nơi tiếp nhận hồ sơ gửi cho Sở Giao thông vận tải  đầu tuyến bên kia biết để đồng thời công bố trên Trang Thông tin điện tử.

Trong  thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký đầu tiên mà có từ 02 doanh nghiệp, hợp tác xã trở lên (tính cho cả hai đầu tuyến) đăng ký khai thác trùng tuyến và giờ xe chạy thì trong thời hạn 02 ngày làm việc tiếp theo, Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến phải công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử và thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp, hợp tác  xã biết việc tổ chức lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến theo quy định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

+  Thời gian công bố Kế hoạch lựa chọn không quá 02 ngày làm việc, kể từ thời điểm Sở Giao thông vận tải hai đầu tuyến kết thúc việc công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử và thông báo bằng văn bản cho các đơn vị tham gia lựa chọn theo quy định tại Điều 14 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT đã được bổ sung, sửa đổi tại khoản 4 Điều 1 Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT.

+  Trường hợp chỉ có 01 doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký khai thác tuyến thành công thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày đăng ký thành công được công bố công khai trên Trang Thông tin điện tử của Sở, doanh nghiệp, hợp tác xã đã đăng ký thành công nộp hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu về Sở Giao thông vận tải để cấp phù hiệu xe chạy tuyến cố định. Hết thời hạn trên, nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không nộp hồ sơ thì coi như doanh nghiệp, hợp tác xã tự hủy bỏ đăng ký. Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật, công khai thông tin giờ xe chạy còn trống trên biểu đồ chạy xe trên Trang Thông tin điện tử của Sở.

**-** **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thông báo kết quả đơn vị đăng ký khai thác tuyến thành công

**- Phí, lệ phí:** không.

**- Tên mẫu đơn:**

+ Giấy đăng ký khai thác tuyến theo mẫu quy định tại phụ lục 2a Thông tư 60/2015/TT-BGTVT

+ Phương án khai thác tuyến  vận tải hành khách bằng xe ô tô phụ lục 15 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT

+ Giấy đăng ký chất lượng dịch vụ vận tải trên tuyến cố định phụ lục 7 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):**

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô theo tuyến cố định được đăng ký khai thác tuyến;

+ Tuyến vận tải đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

+ Các giờ xe chạy chưa có đơn vị khai thác đã được công bố.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Nghị định số 86/2014/NĐ-CP ngày 10/9/201 của Chính phủ quy định về kinh doanh về  điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ôtô;

+ Thông tư 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

+ Thông tư 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

**Phụ lục 2a**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 60/2015/TT-BGTVT ngày 02/11/2015*

*của Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:...... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:........ /.......... | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ……………….

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: …………………………………………………..

2. Địa chỉ: …………………………………………………………………………..

3. Số điện thoại (Fax): ……………………………………………………………..

4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ........... do …*(tên cơ quan cấp)*.................. cấp ngày ........./...../...........

5. Đăng ký..........(1)..................tuyến: Mã số tuyến: ………………………………

Nơi đi:...........................................Nơi đến:...........................................................(2)

Bến xe đi:..................................... Bến xe đến:..................................................... (3)

Giờ xe xuất bến tại bến xe đi: …….. giờ.... phút, vào các ngày................................

Giờ xe xuất bến tại bến xe đến:…….giờ.... phút, vào các ngày................................

Số chuyến xe trong ngày/tuần/tháng:………………………………………………

Cự ly vận chuyển: .................km.

Hành trình chạy xe:...................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**Hướng dẫn ghi:**

(1) Ghi tên tỉnh (nếu là tuyến liên tỉnh), ghi tên huyện, xã nơi đặt bến xe (nếu là tuyến nội tỉnh).

(2) Ghi tên địa danh tỉnh đi, tỉnh đến.

(3) Ghi tên bến xe nơi đi và tên bến xe nơi đến.**PHỤ LỤC 15**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số: 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014*

*của Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
|  | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN**

**VẬN TẢI HÀNH KHÁCH BẰNG XE Ô TÔ**

**I. Đặc điểm tuyến:**

Mã số tuyến:...........................................................................................

Tên tuyến:.............................đi.........................................và ngược lại.

Bến đi:......................................................................................................

Bến đến:...................................................................................................

Cự ly vận chuyển:.........................km.

Hành trình:..............................................................................................

**II. Biểu đồ chạy xe:**

1. Số chuyến (nốt (tài))................trong ngày, tuần, tháng.

2. Giờ xuất bến:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:………..***

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày.......................

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc...... giờ.....phút, vào các ngày......................

***b) Chiều về: xuất bến tại:………..***

- Nốt (tài) 1 xuất bến lúc...... giờ.... phút, vào các ngày.......................

- Nốt (tài) 2 xuất bến lúc...... giờ.....phút, vào các ngày.....................

3. Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe..... giờ...phút.

4. Tốc độ lữ hành: km/h.

5. Lịch trình chạy xe:

***a) Chiều đi: xuất bến tại:………***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm  dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm  dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

***b) Chiều về: xuất bến tại:……….***

+ Nốt (tài) 1: Giờ xuất bến:………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm  dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

+ Nốt (tài) 2: Giờ xuất bến:………

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT lần nghỉ | Tên điểm  dừng nghỉ | Điện thoại | Địa chỉ | Thời gian đến | Thời gian dừng (phút) |
| 1. |  |  |  |  |  |
| 2. |  |  |  |  |  |
| ... |  |  |  |  |  |

**III. Đoàn phương tiện:**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nhãn hiệu xe** | **Năm sản xuất** | **Sức chứa** | **Tiêu chuẩn khí thải** | **Số lượng (chiếc)** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 | … | … | … | … | … |
|  | **Tổng cộng** |  |  |  |  |

**IV. Phương án bố trí lái xe, nhân viên phục vụ trên xe:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Nốt (tài) | Số lượng lái xe | Số lượng nhân viên phục vụ | Ghi chú |
| 1 | Nốt (tài) 1 |  |  |  |
| 2 | Nốt (tài) 2 |  |  |  |
|  | .... |  |  |  |

**V. Giá vé và cước hành lý:**

1. Giá vé:

a) Giá vé suốt tuyến:................... đồng/HK.

b) Giá vé chặng (nếu có):

- Chặng 1 (từ.....đến.......):........................đồng/HK.

- Chặng 2 (từ.....đến.......):.........................đồng/HK.

- Chặng................

2. Giá cước hành lý:

a) Hành lý được miễn cước:.........................................kg.

b) Hành lý vượt quá mức miễn cước:........................đ/kg.

3. Hình thức bán vé

a) Bán vé tại quầy ở bến xe:.......................................................................

b) Bán vé tại đại lý:....................... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại)...

c) Bán vé qua mạng:.............. (địa chỉ trang web).

**VI. Xe trung chuyển (nếu có):**

- Loại xe:…………….., sức chứa:…………, năm sản xuất

- Số lượng xe:………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC 7**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số:63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014*

*của Bộ Giao thông vận tải)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên doanh nghiệp, HTX:...... -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:........ /.......... | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐĂNG KÝ CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ VẬN TẢI  
TRÊN TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Sở GTVT..............

1. Tên doanh nghiệp, HTX:.....................................................................................

2. Địa chỉ:..........................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.......................................................................................

4. Đơn vị đã đăng ký và được công nhận là đơn vị đạt Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hạng…… theo mức chất lượng dịch vụ vận tải do Bộ Giao thông vận tải quy định. (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương hạng …..của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

5. Nội dung đăng ký chất lượng dịch vụ trên tuyến:

Tỉnh đi............ tỉnh đến.........; Bến đi........... Bến đến............. như sau:

a) Đạt chất lượng dịch vụ loại……(sao) theo Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ GTVT ban hành (hoặc Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do đơn vị xây dựng tương đương loại ….. (sao) của Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ vận tải hành khách do Bộ Giao thông vận tải ban hành).

b) Các dịch vụ phục vụ hành khách trên hành trình gồm:…..

c) Số điện thoại đường dây nóng của đơn vị:................

Đơn vị kinh doanh cam kết thực hiện đúng các nội dung đã đăng ký./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Lưu. | **Đại diện doanh nghiệp, HTX** *(Ký tên, đóng dấu)* |

***Ghi chú:*** *Trường hợp trên tuyến có nhiều mức chất lượng dịch vụ khác nhau thì đơn vị vận tải đăng ký từng mức theo các nội dung tại mục 5.*

**7. Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì viết giấy tiếp nhận hồ sơ, và hẹn trả kết quả (mẫu số 03 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giao cho người nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 01 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) trao cho người nộp để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ (***quy định tại khoản 6, 7 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017).*

*a) Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị  chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu *(*đơn đề nghị theo mẫu tại Phụ lục số 1a ban hành kèm theo Thông tư *Thông tư 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017).*

- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ.

+ Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 13 thông tư 50/2015/TT-BGTVT;

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định *(quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017).*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** văn bản chấp thuận thực hiện dự án.

**- Phí, lệ phí:** không.

**- Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị  chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

+ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**PHỤ LỤC 1A**

**MẪU ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**(Ban hành kèm theo Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

|  |  |
| --- | --- |
| (1) (2) ------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** --------------- |
| Số: …./…. | …., ngày …. tháng …. năm 20… |

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN XÂY DỰNG CÙNG THỜI ĐIỂM VỚI CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ

Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...3...)

Kính gửi: ……………………………….(...4...)

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Nghị định số [12/2017/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/nghi-dinh-12-2017-nd-cp-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-cua-bo-giao-thong-van-tai-326383.aspx) ngày 10 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Nghị định số [46/2015/NĐ-CP](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/xay-dung-do-thi/nghi-dinh-46-2015-nd-cp-quan-ly-chat-luong-bao-tri-cong-trinh-xay-dung-274018.aspx) ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ quy định về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 50/TT-BGTVT ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

Căn cứ Thông tư số 35/TT-BGTVT ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số [50/2015/TT-BGTVT](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-thong-van-tai/thong-tu-50-2015-tt-bgtvt-huong-dan-11-2010-nd-cp-quan-ly-bao-tri-ket-cau-ha-tang-giao-thong-duong-bo-291880.aspx) ngày 23 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;

(....2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công (...5...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (...6...). Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày ...tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...7...) (bản chính).

+ (...8...).

(…2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của văn bản chấp thuận xây dựng và cấp phép thi công.

(…2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảođảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...9...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: …….

Số điện thoại: ...........

|  |  |
| --- | --- |
| Nơi nhận: - Như trên; - ……………; - Lưu VT. | (…2…) QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) |

Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thuận và cấp phép, quốc lộ,địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL.39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp phép thi công;

(5) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị chấp thận và cấp phép thi công.

(6) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(7) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(8) Các tài liệu khác nếu (..2..) thấy cần thiết.

(9) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

Ghi chú:

Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để điền đầy đủ các thông tin cần thiết và gửi kèm theo hồ sơ, tài liệu liên quan cho phù hợp./.

**II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG THUỶ NỘI ĐỊA**

**1. Chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát dự án thực hiện đầu tư nạo vét theo hình thức kết hợp tân thu sản phẩm, không sử dụng ngân sách nhà nước trên các tuyến đường thủy nội địa**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì viết giấy tiếp nhận hồ sơ, và hẹn trả kết quả (mẫu số 03 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giao cho người nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 01 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) trao cho người nộp để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì sau **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì sau **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ** *(quy định tại khoản 1 Điều 21 Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT, ngày 29/11/2015).*

*a) Thành phần hồ sơ:*

- Văn bản đăng ký thực hiện chức năng giám sát dự án;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, chứng chỉ hành nghề;

- Báo cáo tài chính; các thiết bị, máy móc phục vụ giám sát (nếu có); năng lực nhân sự; hợp đồng tham gia giám sát dự án, công trình tương tự;

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 03 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định *(quy định tại Khoản 2 Điều 21, Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT, ngày 29/11/2015).*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** văn bản chấp thuận đơn vị tư vấn giám sát.

**- Phí, lệ phí:** Không.

**- Tên mẫu đơn:** không có.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004;

+ Thông tư số 69/2015/TT-BGTVT, ngày 29/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định về nạo vét luồng đường thủy nội địa, vùng nước cảng, bến thủy nội địa kết hợp tận thu sản phẩm.

**2. Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơ trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung kịp thời.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ** *(quy định tại Điều 7 Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT, ngày 27/11/2014).*

*a) Thành phần hồ sơ:*

+ Các giấy tờ phải nộp đối với tàu biển:

- Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản);

- Bản trích sao Nhật ký hàng hải những phần có liên quan đến vụ việc (02 bản);

- Bản trích sao Hải đồ liên quan đến vụ việc (02 bản).

+ Các giấy tờ phải nộp đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá:

- Trình báo đường thủy nội địa theo mẫu quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này (02 bản);

- Bản sao Tự họa có mô tả sơ đồ vị trí xảy ra tai nạn, sự cố và đính kèm hình ảnh (nếu có), (02 bản).

+ Các giấy tờ phải xuất trình (bản chính):

a) Đối với tàu biển: các giấy tờ quy định tại điểm b và điểm c khoản 1 Điều này;

b) Đối với phương tiện thủy nội địa, tàu cá: các giấy tờ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này.

(4). Đối với bản trình báo đường thủy nội địa, ngoài chữ ký của thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện và đóng dấu của tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu cá (nếu có con dấu), còn phải có chữ ký của máy trưởng hoặc 01 (một) thủy thủ với tư cách là người làm chứng.

(5). Ngoài số lượng trình báo đường thủy nội địa được quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này, thuyền trưởng hoặc người lái phương tiện có thể đề nghị xác nhận thêm các bản khác có cùng nội dung, nếu thấy cần thiết.

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** Thời hạn giải quyết xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa không quá 03 (ba) giờ làm việc, kể từ khi đã nhận đủ các giấy tờ hợp lệ *(quy định tại Khoản 3, Điều 8, Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT, ngày 27/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

**- Phí, lệ phí:** Không.

**- Tên mẫu đơn:** Trình báo đường thủy nội địa.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Căn cứ Luật giao thông đường thủy nội địa năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004;

+ Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT, ngày 27/11/2015 của Bộ Giao thông vận tải quy định xác nhận việc trình báo đường thủy nội địa.

**PHỤ LỤC**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 69/2014/TT-BGTVT ngày 27 tháng 11 năm 2014)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
*THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM***  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
***Independence - Freedom - Happiness  
----------------***

**TRÌNH BÁO ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA  
*NOTICE OF INLAND WATERWAY***

Kính gửi/ *To*:………………………………………………

1. Họ và tên thuyền trưởng (người lái phương tiện)/*Name of Captain (vessel operator)*:..........

...................................................................................................................................

- Số Giấy chứng minh nhân dân (hộ chiếu)/*Identity card (passport) number*:...........

- Chức danh/*Position*:................................................................................................

- Ngày, tháng, năm sinh/*Date of birth:*.......................................................................

2. Thời gian xảy ra tai nạn, sự cố/*Time of the accident, incident*:.............................

3. Địa điểm xảy ra tai nạn, sự cố/*Location of the accident, incident*:.........................

...................................................................................................................................

4. Tên, số đăng ký, số đăng kiểm của phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) bị tai nạn, sự cố/*Name, registration, register number of the inland, waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel) in the accident, incident*:

5. Hoàn cảnh phương tiện thủy nội địa (tàu biển, tàu cá) gặp phải/*Encountered circumstance of the inland waterway vessel (sea going vessel, fishing vessel)*:.............................................................................................

6. Thiệt hại do tai nạn, sự cố gây ra/*Damage caused by the accident, incident*:.......

...................................................................................................................................

7. Những biện pháp đã áp dụng để khắc phục hoàn cảnh, hạn chế tổn thất do tai nạn, sự cố gây ra/*The measures were taken to remedy the situation and limit losses caused by the accident, incident:*........................................................................................................................................

Tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin đã nêu trên đây./. *I am liable for the accuracy of the information mentioned above./.*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *……, ngày…… tháng…… năm…… …….., date/month/year* |
| **Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền *Certified by the competent authority*** | **Thuyền trưởng (người lái phương tiện) *Captain (vessel operator)*** *Ký, ghi rõ họ, tên và đóng dấu (nếu có) Signature, name and seal (if applicable)* **Chữ ký của máy trưởng hoặc 01 thủy thủ *Signature of the chief engine or a sailor*** |

**B. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.**

**I. Lĩnh vực Đăng kiểm.**

**1. Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:*

Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức.

*+Bước 2:* Trả kết quả:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

+ Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế (bản chính) theo mẫu;

+ 04 bộ hồ sơ thiết kế xe cơ giới cải tạo có thành phần theo quy định tại Điều 5 của Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT, cụ thể bào gồm :

*+ Thuyết minh thiết kế kỹ thuật xe cơ giới (bản chính) theo quy định tại mục A của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này;*

*+ Bản vẽ kỹ thuật (bản chính) theo quy định tại mục B của Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.*

+ Tài liệu thông số, tính năng kỹ thuật của xe cơ giới cải tạo và các tổng thành, hệ thống cải tạo, thay thế (bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế);

+ Bản sao có xác nhận của cơ sở thiết kế của một trong các giấy tờ sau: Giấy Đăng ký xe ô tô; Phiếu sang tên, di chuyển (đối với trường hợp đang làm thủ tục sang tên, di chuyển); Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới nhập khẩu hoặc giấy tờ chứng nhận đã hoàn thành thủ tục nhập khẩu (đối với xe cơ giới đã qua sử dụng được phép nhập khẩu, chưa có biển số đăng ký).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** Trong phạm vi ***05 ngày làm việc***, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ thiết kế.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo.

**- Phí, lệ phí:** Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo: 50.000 đồng/ 01 Giấy chứng nhận (riêng đối với xe ô tô con dưới 10 chỗ: 100.000 đồng/01 Giấy chứng nhận).

**- Mẫu đơn:** Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế theo quy định tại phụ lục 3, Thông tư 85/2014/TT-BGTVT.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Việc cải tạo xe cơ giới và xe cơ giới sau khi cải tạo phải phù hợp tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy định về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới khi tham gia giao thông và phải tuân thủ các quy định sau đây:

1. Không cải tạo thay đổi mục đích sử dụng (công dụng) đối với xe cơ giới đã có thời gian sử dụng trên 15 năm, kể từ năm sản xuất của xe cơ giới đến thời điểm thẩm định thiết kế.

2. Không cải tạo xe cơ giới chuyên dùng nhập khẩu thành xe cơ giới loại khác trong thời gian 05 năm, xe đông lạnh nhập khẩu thành xe loại khác trong thời gian 03 năm, kể từ ngày được cấp biển số đăng ký lần đầu.

3. Không cải tạo thùng xe của xe tải nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp mới, chưa qua sử dụng trong thời gian 06 tháng, kể từ ngày kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường lần đầu đến khi thẩm định thiết kế (trừ trường hợp cải tạo thành xe tập lái, sát hạch; cải tạo lắp đặt thêm mui phủ của xe tải thùng hở).

4. Không cải tạo xe cơ giới loại khác thành xe chở người và ngược lại, trừ trường hợp cải tạo xe ô tô chở người từ 16 chỗ (kể cả chỗ người lái) trở xuống thành xe ô tô tải VAN.

5. Không cải tạo hệ thống treo của xe cơ giới.

6. Không cải tạo hệ thống phanh của xe cơ giới, trừ các trường hợp:

a) Lắp đặt bàn đạp phanh phụ trên xe tập lái, xe sát hạch và ngược lại;

b) Cải tạo để cung cấp năng lượng và điều khiển hệ thống phanh của rơ moóc, sơ mi rơ moóc.

7. Không cải tạo hệ thống lái của xe cơ giới, trừ trường hợp cải tạo đối với xe cơ giới tay lái nghịch được nhập khẩu.

8. Không cải tạo lắp đặt giường nằm loại hai tầng lên xe chở người.

9. Không cải tạo tăng kích thước khoang chở hành lý của xe chở người.

10. Không cải tạo xe ô tô đầu kéo thành xe cơ giới loại khác (trừ xe chuyên dùng).

11. Không cải tạo thay đổi kích cỡ lốp, số trục và vết bánh xe của xe cơ giới.

12. Không cải tạo thay đổi khoảng cách giữa các trục của xe cơ giới, trừ các trường hợp: cải tạo thành xe chuyên dùng, đầu kéo; cải tạo thu ngắn chiều dài cơ sở khi cải tạo trở lại thành xe nguyên thủy và khi cải tạo để giảm chiều dài toàn bộ, kích thước thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải phù hợp quy định tại Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT ngày 15 tháng 9 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về thùng xe của xe tự đổ, xe xi téc, xe tải tham gia giao thông đường bộ (sau đây gọi là Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT). Đối với sơ mi rơ moóc tải (trừ sơ mi rơ moóc tải tự đổ) và sơ mi rơ moóc chở công-ten-nơ có khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông nhỏ hơn khối lượng toàn bộ theo thiết kế được cải tạo thay đổi vị trí các trục, cụm trục, chốt kéo đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2015.

13. Không cải tạo tăng chiều dài toàn bộ của xe cơ giới, trừ các trường hợp cải tạo thành xe chuyên dùng và cải tạo thay đổi tấm ốp mặt trước, sau của xe chở người.

14. Không cải tạo tăng kích thước lòng thùng xe của xe tải, thể tích xi téc của xe xi téc. Khi cải tạo lắp thêm mui phủ lên xe tải thùng hở không có mui phủ thì không được tăng chiều cao của thành thùng xe.

15. Không được tăng kích thước lòng thùng xe, thể tích xi téc đối với xe tải, xe xi téc đã cải tạo thành xe loại khác khi cải tạo trở lại loại xe nguyên thủy.

16. Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông của xe cơ giới sau cải tạo phải đảm bảo:

a) Đối với xe chở người: Không lớn hơn giá trị nhỏ của khối lượng toàn bộ theo thiết kế tương ứng với số người cho phép chở lớn nhất theo thiết kế của nhà sản xuất và khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông theo quy định về tải trọng cầu đường.

b) Đối với xe tải và xe chuyên dùng: Không lớn hơn giá trị của khối lượng toàn bộ theo thiết kế của nhà sản xuất và khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông theo quy định về tải trọng cầu đường.

17. Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông của xe cơ giới sau cải tạo không được lớn hơn khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế của xe nguyên thủy.

18. Xe cơ giới sau cải tạo là xe tự đổ, xe xi téc, xe tải phải có thông số kỹ thuật phù hợp quy định tại Thông tư số 42/2014/TT-BGTVT.

19. Không sử dụng các hệ thống, tổng thành đã qua sử dụng trong cải tạo xe cơ giới, trừ thiết bị chuyên dùng, động cơ (trường hợp sử dụng lại động cơ của xe cơ giới đã qua sử dụng phải đảm bảo xe được lấy động cơ để sử dụng có thời gian sử dụng tính từ năm sản xuất không quá 15 năm, kể cả trường hợp thay thế động cơ cùng kiểu loại). Động cơ thay thế có công suất lớn nhất nằm trong khoảng từ 90% đến 120% công suất lớn nhất của động cơ của xe nguyên thủy.

20. Cần cẩu, xi téc chở hàng nguy hiểm, xi téc chở khí nén, khí hóa lỏng khi lắp mới lên xe cơ giới cải tạo phải được cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, chứng nhận về tính năng, chất lượng, an toàn kỹ thuật.

21. Trong suốt quá trình sử dụng, mỗi xe cơ giới chỉ được cải tạo, thay đổi 1 trong 2 tổng thành chính là động cơ hoặc khung và không được cải tạo quá 3 hệ thống, tổng thành sau: buồng lái, thân xe hoặc thùng xe, khoang chở khách; truyền lực; chuyển động; treo; phanh; lái; nhiên liệu.

22. Việc cải tạo một hệ thống, tổng thành nếu dẫn đến việc ảnh hưởng tới thông số, đặc tính làm việc của các hệ thống, tổng thành có liên quan khác thì phải được xem xét, tính toán cụ thể và phải được coi là cải tạo cả hệ thống, tổng thành có liên quan.

23. Trong trường hợp xe cơ giới cải tạo để đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng mà có nội dung cải tạo không phù hợp với các quy định tại Điều này thì vẫn được thực hiện cải tạo. Xe cơ giới đã cải tạo thành xe cơ giới cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng chỉ được cải tạo trở lại xe nguyên thủy.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 85/2014/TT-BGTVT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

*+ Thông tư số 238/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới, thiết bị và xe máy chuyên dùng đang lưu hành; đánh giá, hiệu chuẩn thiết bị kiểm tra xe cơ giới.*

*Mẫu:* **Văn bản đề nghị thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **(CƠ SỞ THIẾT KẾ)**  Số:.............  V/v: thẩm định thiết kế |  | *CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc* *…., ngày tháng năm .* |

Kính gửi: Cục Đăng kiểm Việt Nam/Sở Giao thông vận tải…

Căn cứ Thông tư số ......../2014/TT-BGTVT ngày ..../......./2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc cải tạo phương tiện giao thông cơ giới đường bộ.

*(Cơ sơ thiết kế)* có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số … ngày …/…/… của *(cơ quan cấp)*; đề nghị Cục Đăng kiểm Việt Nam (Sở Giao thông vận tải) thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo sau:

**- Tên thiết kế** :..............*(tên thiết kế)*.............................

**- Ký hiệu thiết kế** :.........*(ký hiệu thiết kế)*.........................

**1. Đặc điểm xe cơ giới:**

* Biển số đăng ký (nếu đã được cấp):
* Số khung:
* Số động cơ:
* Nhãn hiệu - số loại:

**2. Nội dung cải tạo chính:**

*(Ghi tóm tắt đầy đủ các nội dung thiết kế cải tạo thay đổi của xe cơ giới)*

**3. Thông số kỹ thuật trước và sau cải tạo:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| STT | **Thông số kỹ thuật** | **Đơn vị** | **Xe cơ giới trước cải tạo** | **Xe cơ giới sau**  **cải tạo** |
| 1 | Loại phương tiện |  |  |  |
| 2 | Kích thước bao ngoài  (dài x rộng x cao) | mm |  |  |
| 3 | Chiều dài cơ sở | mm |  |  |
| 4 | Vết bánh xe (trước/sau) | mm |  |  |
| 5 | Khối lượng bản thân | kg |  |  |
| 6 | Số người cho phép chở | người |  |  |
| 7 | Khối lượng hàng chuyên chở CPTGGT | kg |  |  |
| 8 | Khối lượng toàn bộ CPTGGT | kg |  |  |
| ..... | *Các thông số kỹ thuật khác của xe cơ giới có thay đổi do cải tạo* |  |  |  |

*(Cơ sơ thiết kế)* xin chịu trách nhiệm về nội dung thiết kế và hồ sơ xe cơ giới cải tạo.

**CƠ SỞ THIẾT KẾ**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**II. Lĩnh vực Đường bộ.**

**1. Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung kịp thời.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì sau **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì sau **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ** *(quy định tại Điều 27 Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015).*

*a) Thành phần hồ sơ:*

(1) Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 50/2015/TT-BGTVT;

(2) Văn bản phê duyệt hoặc chấp thuận thiết kế của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

(3) Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (bản chính)

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định *(quy định tại Khoản 4 Điều 27, Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải).*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép thi công.

**- Phí, lệ phí:** không

**- Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

+ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định vệ quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

+ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu đơn (PL4):

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị cấp phép thi công (công trình thiết yếu hoặc thi công trên đường bộ đang khai thác);

(3) Ghi vắn tắt tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Cấp phép thi công đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL39, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan cấp phép thi công;

(5) Văn bản chấp thuận xây dựng hoặc chấp thuận thiết kế công trình của cơ quan quản lý đường bộ có thẩm quyền.

(6) Ghi đầy đủ tên công trình hoặc hạng mục công trình đề nghị cấp phép thi công.

(7) Ghi đầy rõ lý trình, tên quốc lộ, thuộc địa phận tỉnh nào.

(8) Hồ sơ Thiết kế bản vẽ thi công (trong đó có Biện pháp tổ chức thi công đảm bảo an toàn giao thông) đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt

(9) Các tài liệu khác nếu (..2..) thấy cần thiết.

(10) Cơ quan phê duyệt Thiết kế bản vẽ thi công./.

**Ghi chú:**

*Trên đây là các nội dung chính của mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép thi công, các tổ chức, cá nhân căn cứ từng công trình cụ thể để ghi các nội dung và gửi kèm theo văn bản liên quan chophù hợp./.*

**2. Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung kịp thời.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì sau **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì sau **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ** *(quy định tại Điều 21 Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT, ngày 07/9/2015).*

*a) Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục 1, Phụ lục 2 của Thông tư 46/2015/TT-BGTVT, ngày 07/9/2015;

- Bản sao Giấy đăng ký xe hoặc Giấy đăng ký tạm thời đối với phương tiện mới nhận;

- Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; bản sao tính năng kỹ thuật của xe đối với phương tiện mới nhận (do nhà sản xuất gửi kèm theo xe);

- Phương án vận chuyển đối với trường hợp phải khảo sát đường bộ (nếu có), gồm các nội dung sau: thông tin về tuyến đường vận chuyển; thông tin về phương tiện vận chuyển; thông tin hàng hóa chuyên chở có xác nhận của chủ hàng, gồm các thông số kích thước về chiều dài, chiều rộng và chiều cao (D x R x C) mét; khối lượng, hình ảnh (nếu có); hợp đồng vận chuyển hoặc văn bản chỉ định đơn vị vận chuyển của chủ hàng hoặc đơn vị thuê vận chuyển.

*b) Số lượng hồ sơ:* **01** bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** **02** ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định *(quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 21, Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT, ngày 07/9/2015).*

*(\*) Trong thời hạn không quá 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, căn cứ kết quả kiểm tra, cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Điều 22 của Thông tư này cấp Giấy phép lưu hành xe theo mẫu quy định tại các Phụ lục 3, Phụ lục 4 của Thông tư này; trường hợp chưa đủ điều kiện cấp Giấy phép lưu hành xe phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*

*(\*) Trường hợp phải khảo sát đường bộ để quy định điều kiện tham gia giao thông hoặc gia cường đường bộ, trong vòng 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lưu hành xe phải có văn bản yêu cầu tổ chức, cá nhân đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe trên đường bộ tiến hành khảo sát hoặc gia cường đường bộ.*

*(\*) Thời hạn xem xét cấp giấy phép lưu hành xe không quá 02 ngày làm việc kể từ khi nhận được báo cáo kết quả khảo sát hoặc báo cáo kết quả hoàn thành gia cường đường bộ của tổ chức tư vấn đủ điều kiện hành nghề bảo đảm cho xe lưu hành an toàn.*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ.

**- Phí, lệ phí:** không*.*

**- Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Thông tư số 46/2015/TT-BGTVT ngày 07/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tải trọng, khổ giới hạn của đường bộ; lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích trên đường bộ; vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng; giới hạn xếp hàng hóa trên phương tiện giao thông đường bộ khi tham gia giao thông trên đường bộ.

**PHỤ LỤC 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE QUÁ TẢI TRỌNG, XE QUÁ KHỔ GIỚI HẠN, XE VẬN CHUYỂN HÀNG SIÊU TRƯỜNG, SIÊU TRỌNG TRÊN ĐƯỜNG BỘ

**Kính gửi:** (tên Cơ quan cấp Giấy phép lưu hành xe)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: …………………………………………………………

- Địa chỉ: ………………………………………….. Điện thoại: ..................................

Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn với các thông số sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **1. Thông tin tổ hợp xe đầu kéo và sơ mi rơ moóc (SMRM) tải:** | | | | |
| Thông số kỹ thuật | | Đầu kéo hoặc xe thân liền | | Rơ moóc/ Sơmi rơ moóc RM/SMRM |
| Nhãn hiệu | |  | |  |
| Biển số | |  | |  |
| Số trục | |  | |  |
| Khối lượng bản thân (tấn) | |  | |  |
| Khối lượng hàng hóa chuyên chở cho phép tham gia giao thông (tấn) | |  | |  |
| Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (tấn) | |  | |  |
| Khối lượng cho phép kéo theo (tấn) | |  | |  |
| Kích thước bao của tổ hợp (dài x rộng x cao) (m) | |  | | |
| **2. Thông tin hàng hóa đề nghị chuyên chở:** | | | | |
| Loại hàng: | | | | |
| Kích thước (D x R x C) m: | Tổng khối lượng (tấn): | | | |
| **3. Thông tin kích thước, khối lượng toàn bộ của tổ hợp xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | | |
| Kích thước (D x R x C) m: | Hàng vượt phía trước thùng xe: m | | | |
| Hàng vượt hai bên thùng xe: m | Hàng vượt phía sau thùng xe: m | | | |
| Tổng khối lượng:        tấn  (gồm khối lượng bản thân ô tô đầu kéo + khối lượng bản thân sơ mi rơ moóc + khối lượng số người ngồi trên xe + khối lượng hàng) | | | | |
| **4. Tải trọng lớn nhất được phân bổ lên trục xe sau khi xếp hàng hóa lên xe:** | | | | |
| Trục đơn:         tấn | | | | |
| Cụm trục kép:       tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =….m | | | | |
| Cụm trục ba:        tấn, khoảng cách giữa 02 tâm trục liền kề: d =…m | | | | |
|  |  |  |  | |

**5. Tuyến đường và thời gian vận chuyển:**

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km …….): .............................................................................................................

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ ………………đến.....................................................

**6. Cam kết của chủ phương tiện:** về quyền sở hữu phương tiện và hàng hóa tại thờiđiểm đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe.

|  |  |
| --- | --- |
| *(Giấy đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe đã xếp hàng và khoảng cách giữa các trục xe, chiều dài đuôi xe)* | *…..., ngày…. tháng… năm….* Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị ký tên, đóng dấu |

**PHỤ LỤC 2**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc   
---------------**

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP LƯU HÀNH XE BÁNH XÍCH TỰ HÀNH TRÊN ĐƯỜNG BỘ

**Kính gửi:** (tên Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy lưu hành)

- Cá nhân, tổ chức đề nghị: ....................................................................................

- Địa chỉ: ………………………………….. Điện thoại: .................................................

- Đề nghị cấp Giấy phép lưu hành cho xe bánh xích: .................................................

- Biển số đăng ký (nếu có): .....................................................................................

- Khối lượng bản thân xe: ……………………………… (tấn)

- Kích thước của xe:

+ Chiều dài: ………………………………..(m)

+ Chiều rộng: ……………………………….. (m)

+ Chiều cao: ……………………………….. (m)

- Loại xích (nhọn hoặc bằng): ………………………………..

- Chiều rộng bánh xích mỗi bên: ……………….. (m)

- Khoảng cách giữa hai mép ngoài của bánh: ……………….. (m)

- Tuyến đường vận chuyển (ghi đầy đủ, cụ thể tên từng đoạn tuyến đường bộ, các vị trí chuyển hướng, đi qua đường ngang tại Km …..): ………………………………………….

- Thời gian đề nghị lưu hành: Từ …………….. đến …………………

|  |  |
| --- | --- |
| *(Đơn đề nghị cấp Giấy phép lưu hành xe phải kèm theo sơ đồ xe thể hiện rõ các kích thước: Chiều dài, chiều rộng, chiều cao của xe)* | *……, ngày…. tháng… năm….* Đại diện cá nhân, tổ chức đề nghị ký tên, đóng dấu |

**3. Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 3 đủ điều kiện hoạt động.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Sau khi xây dựng xong trung tâm sát hạch loại 3, tổ chức, cá nhân gửi hồ sơ đến Sở Giao thông vận tải đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì viết giấy tiếp nhận hồ sơ, và hẹn trả kết quả ( mẫu số 03 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giao cho người nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 01 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) trao cho người nộp để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 2:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy phép xây dựng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

- Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể, hồ sơ thiết kế kích thước hình sát hạch, loại xe cơ giới dùng để sát hạch.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải;

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**- Phí, lệ phí: Không có.**

**- Tên mẫu đơn: Không có.**

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Trung tâm sát hạch lái xe được xây dựng thỏa mãn các yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**+** Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ;

+ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

**4. Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1: Cá nhân hoặc cơ sở đào tạo nộp hồ sơ đề nghị cấp** Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức khác đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Nếu hồ sơ hợp lệ, đầy đủ thì viết giấy tiếp nhận hồ sơ, và hẹn trả kết quả (mẫu số 03 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) giao cho người nộp hồ sơ.

+ Nếu hồ sơ thiếu hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn hoặc viết phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ (mẫu số 01 kèm theo Quyết định 09/2015/QĐ-TTg) trao cho người nộp để người nộp bổ sung hoàn chỉnh hồ sơ.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì trong thời hạn **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 2:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp hoặc qua đường bưu chính hoặc hình thức khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị theo mẫu quy định tại Phụ lục IV Nghị định 65/2016/NĐ-CP;

+ Giấy phép lái xe còn thời hạn sử dụng (bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực);

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định;

+ 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền màu xanh, kiểu thẻ căn cước, được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày có kết quả tập huấn.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải;

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**- Phí, lệ phí: Không có.**

**- Tên mẫu đơn:** Đơn đề nghị tập huấn, cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Cá nhân phải dự tập huấn và kiểm tra đạt yêu cầu theo quy định.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

+ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ TẬP HUẤN, CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN**

**GIÁO VIÊN DẠY THỰC HÀNH LÁI XE**

Kính gửi: (Tổng cục Đường bộ Việt Nam) Sở Giao thông vận tải .........

Tôi là:....................................................Quốc tịch:...............................................

Sinh ngày:…………..tháng ………………năm…… Nam, Nữ ……………………....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:………...……………………………………

Nơi cư trú:...........................................................................................................

Có giấy chứng minh nhân dân số: ......................cấp ngày…....tháng........năm......

Nơi cấp:..................................................................................................................

Có giấy phép lái xe số: ....................., hạng ...........do:..................................

cấp ngày .......tháng .........năm ......

Đề nghị cho tôi được tham gia tập huấn, cấp giấy chứng nhận giáo viên dạy

thực hành lái xe hạng...........................để dạy lái xe tại cơ sở đào tạo………......

....................................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên hoặc chứng chỉ kỹ năng nghề để dạy trình độ sơ cấp;

- 01 bản sao có chứng thực giấy phép lái xe (còn thời hạn);

- 01 bản sao có chứng thực chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm;

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp trong thời gian không quá 06 tháng.

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.- Các tài liệu khác có liên quan gồm:..............................................................

……………….........................................................................................................

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

*.............., ngày .......tháng......năm 20....*

**NGƯỜI LÀM ĐƠN**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**5. Cấp phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe đầu kéo**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Doanh nghiệp, hợp tác xã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ *qlvt.mt.gov.vn.*

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ cho theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày trong ngày làm việc.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ *qlvt.mt.gov.vn.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định tại khoản 12 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT.

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *01 ngày*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; xe đầu kéo

**- Phí, lệ phí:** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

+ Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

+ Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

+ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT, ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**6. Cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe đầu kéo**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Trước khi phù hiệu hết hiệu lực tối thiểu 10 ngày, phù hiệu bị mất, hỏng, doanh nghiệp, hợp tác xã có văn bản đề nghị cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt xe nội bộ; xe trung chuyển, xe đầu kéo trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ cho theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày trong ngày làm việc.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường, giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định tại khoản 12 Điều 55 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT.

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp phù hiệu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *01 ngày*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe đầu kéo.

**- Phí, lệ phí:** không có.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp lại phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục 24 Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

+ Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

+ Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

+ Thông tư số 60/2015/TT-BGTVT, ngày 02/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**7. Cấp biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Doanh nghiệp, hợp tác xã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:*  Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ cho theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày trong ngày làm việc.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư liên tịch này;

- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch này. Bảng kê theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư liên tịch này;

- 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định;

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *01 ngày*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch

**- Phí, lệ phí:** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục 1, phụ lục 2 Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

+ Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

+ Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

+ Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ văn hóa thể thao và du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

**PHỤ LỤC I**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……../……….. | *………, ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ………………………

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Trụ sở:

Trang thông tin điện tử

Tên đăng nhập ………………………………….. Mật khẩu truy cập

Số điện thoại: ………………………..Fax: …………………… Email

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...... do... .cấp ngày…../…../

Lĩnh vực kinh doanh:

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: xe (danh sách xe kèm theo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗ ngồi | Năm SX |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1…

2…

3…

4…

……

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Lưu VT. | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC II**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……../……….. | *………, ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN**

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)

Trụ sở:

Số điện thoại: ………………………………… (Fax):

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại xe** | **Biển số** | **Màu sơn** | **Tên hiệu xe** | **Số khung** | **Số máy** | **Năm SX** | **Thông tin và trang thiết bị** | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| Dưới 9 chỗ | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Từ 9 đến dưới 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Trên 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(1): Điều hòa nhiệt độ;

(2): Thùng chứa đồ uống;

(3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;

(4): Túi thuốc dự phòng;

(5): Bình chữa cháy;

(6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;

(9): Bảng hướng dẫn an toàn;

(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;

(12): Ti vi;

(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

*Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.*

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Sở GTVT ………….; - Sở VHTTDL (Sở Du lịch)…;  - Lưu VT. | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**8. Cấp lại biển hiệu hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Doanh nghiệp, hợp tác xã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ cho theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày trong ngày làm việc.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp biển hiệu xe vận tải khách du lịch theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư liên tịch này;

- 02 bảng kê thông tin và trang thiết bị của phương tiện quy định tại Khoản 2 Điều 4 của Thông tư liên tịch này. Bảng kê theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư liên tịch này;

- 02 bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường; Giấy đăng ký xe ô tô và hợp đồng thuê phương tiện với tổ chức, cá nhân cho thuê tài chính hoặc cho thuê tài sản, hợp đồng thuê phương tiện giữa các thành viên và hợp tác xã nếu xe không thuộc sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải. Đối với những phương tiện mang biển số đăng ký không thuộc địa phương nơi giải quyết thủ tục hành chính thì Sở Giao thông vận tải nơi nhận hồ sơ phải lấy ý kiến xác nhận về tình trạng của xe ô tô tham gia kinh doanh vận tải của Sở Giao thông vận tải địa phương nơi phương tiện mang biển số đăng ký theo quy định;

- Cung cấp tên Trang thông tin điện tử của đơn vị kinh doanh vận tải, tên đăng nhập, mật khẩu truy cập vào thiết bị giám sát hành trình của các xe đề nghị cấp biển hiệu;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực: Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ du lịch của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe hoặc Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc Thẻ thuyết minh viên du lịch (đối với trường hợp nhân viên phục vụ trên xe có Thẻ hướng dẫn viên du lịch hoặc thuyết minh viên); Giấy chứng nhận tập huấn nghiệp vụ vận tải của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết: 01 ngày**

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Biển hiệu xe ô tô vận tải khách du lịch

**- Phí, lệ phí:** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục 1, phụ lục 2 Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:**

+ Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản chấp thuận khai thác tuyến; chấp thuận điều chỉnh tần suất chạy xe; thông báo thay xe, bổ sung xe nhưng không làm tăng tần suất chạy xe của doanh nghiệp, hợp tác xã;

+ Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt được Sở Giao thông vận tải cấp phù hiệu cho xe ô tô tham gia khai thác trên tuyến khi có văn bản công bố tuyến, chấp thuận bổ sung, thay thế xe.

+ Đối với xe ô tô thuộc đối tượng phải lắp thiết bị giám sát hành trình nhưng không thực hiện đúng các quy định liên quan đến lắp đặt, cung cấp và truyền dẫn thông tin từ thiết bị giám sát hành trình, chỉ được cấp phù hiệu sau khi đã đáp ứng đầy đủ các quy định về thiết bị giám sát hành trình.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;

+ Thông tư số 19/2015/TTLT-BGTVT-BVHTTDL, ngày 25/5/2015 liên tịch giữa Bộ GTVT và Bộ văn hóa thể thao và du lịch hướng dẫn về vận tải khách du lịch bằng xe ô tô và cấp biển hiệu cho xe ô tô vận tải khách du lịch.

**PHỤ LỤC I**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……../……….. | *………, ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ   
CẤP BIỂN HIỆU “XE VẬN TẢI KHÁCH DU LỊCH”**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải ………………………

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có):

Trụ sở:

Trang thông tin điện tử

Tên đăng nhập ………………………………….. Mật khẩu truy cập

Số điện thoại: ………………………..Fax: …………………… Email

Giấy phép kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô số...... do... .cấp ngày…../…../

Lĩnh vực kinh doanh:

Phương tiện đề nghị cấp biển hiệu: xe (danh sách xe kèm theo)

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Tên hiệu xe | Màu sơn | Biển kiểm soát xe | Số khung | Số máy | Số chỗ ngồi | Năm SX |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |  |  |

Các giấy tờ liên quan kèm theo (Kê khai theo quy định tại Điều 8 của Thông tư liên tịch này):

1…

2…

3…

4…

……

Lý do đề nghị: (cấp mới, cấp lại, cấp đổi do mất hoặc hỏng).

Đơn vị kinh doanh cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên;  - Lưu VT. | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**PHỤ LỤC II**

MẪU BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN  
*(Ban hành theo Thông tư liên tịch số 19/TTLT-BGTVT-BVHTTDL ngày 25 tháng 5 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: ……../……….. | *………, ngày ….. tháng ….. năm …..* |

**BẢNG KÊ THÔNG TIN VÀ TRANG THIẾT BỊ CỦA PHƯƠNG TIỆN**

Tên đơn vị kinh doanh vận tải khách du lịch:

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)

Trụ sở:

Số điện thoại: ………………………………… (Fax):

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại xe** | **Biển số** | **Màu sơn** | **Tên hiệu xe** | **Số khung** | **Số máy** | **Năm SX** | **Thông tin và trang thiết bị** | | | | | | | | | | | | | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) | (12) | (13) | (14) |
| Dưới 9 chỗ | … |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Từ 9 đến dưới 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Trên 24 chỗ | ….. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

(1): Điều hòa nhiệt độ;

(2): Thùng chứa đồ uống;

(3): Dụng cụ y tế sơ cấp cứu;

(4): Túi thuốc dự phòng;

(5): Bình chữa cháy;

(6): Dụng cụ thoát hiểm;

(7): Tên và số điện thoại của chủ phương tiện tại vị trí phía sau ghế của người lái xe;

(8): Rèm cửa chống nắng;

(9): Bảng hướng dẫn an toàn;

(10): Thùng đựng rác;

(11): Micro;

(12): Ti vi;

(13): Nơi cất giữ hành lý cho khách du lịch;

(14): Trang thiết bị hỗ trợ người cao tuổi, người khuyết tật theo quy định.

*Ghi chú: Đơn vị kinh doanh vận tải lập danh sách xe theo loại xe và đánh dấu (x) vào các thông tin, trang thiết bị có trên xe.*

Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết chịu trách nhiệm về nội dung số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp biển hiệu đính kèm./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - Sở GTVT ………….; - Sở VHTTDL (Sở Du lịch)…;  - Lưu VT. | **NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT** *(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên)* |

**9. Cấp phù hiệu xe nội bộ.**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Doanh nghiệp, hợp tác xã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ cho theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày trong ngày làm việc.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết: 01 ngày**

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe nội bộ

**- Phí, lệ phí:** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Đơn vị phải có giấy phép kinh doanh.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**10. Cấp lại phù hiệu xe nội bộ**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Doanh nghiệp, hợp tác xã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:*  Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ cho theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày trong ngày làm việc.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc đăng ký doanh nghiệp), Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết: 01 ngày**

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe nội bộ

**- Phí, lệ phí:** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Đơn vị phải có giấy phép kinh doanh.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**11. Cấp phù hiệu xe trung chuyển.**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Doanh nghiệp, hợp tác xã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ cho theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày trong ngày làm việc.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *01 ngày*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe trung chuyển

**- Phí, lệ phí:** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**12. Cấp lại phù hiệu xe trung chuyển**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC:

Doanh nghiệp, hợp tác xã chuẩn bị đầy đủ hồ sơ đề nghị cấp phù hiệu gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long) hoặc Nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ cho theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngày trong ngày làm việc.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc nộp hồ sơ trực tuyến tại địa chỉ qlvt.mt.gov.vn.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực Giấy đăng ký xe ô tô, giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *01 ngày*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải. Cơ quan phối hợp: Sở Giao thông vận tải nơi mang biển số đăng ký của phương tiện.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Phù hiệu xe trung chuyển

**- Phí, lệ phí:** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị cấp phù hiệu theo mẫu quy định tại Phụ lục số 24 Thông tư 63/2014/TT-BGTVT.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Đơn vị kinh doanh vận tải đã được cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:** Thông tư số 63/2014/TT-BGTVT ngày 07/11/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

*Mẫu:*

|  |  |
| --- | --- |
| **Tên đơn vị vận tải:...............** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:.............. /.............. | *…………, ngày...... tháng......năm.....* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP PHÙ HIỆU**

Kính gửi:..........(Sở Giao thông vận tải)...............

1. Tên đơn vị vận tải:..............................................................................................

2. Địa chỉ:................................................................................................................

3. Số điện thoại (Fax):.............................................................................................

4. Số Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô......... ngày.....tháng....năm...., nơi cấp .............................................

Số lượng phù hiệu chạy xe nộp lại:……………………………………

Đề nghị được cấp: (1)..............................................................................................

Danh sách xe đề nghị cấp phù hiệu như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Biển kiểm soát | Sức chứa | Nhãn hiệu xe | Nước sản xuất | Năm sản xuất | Tuyến cố định (hợp đồng, du lịch, taxi, xe tải…) |
| 1  2  .. |  |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | **Đại diện đơn vị vận tải** (Ký tên, đóng dấu) |

**Hướng dẫn cách ghi:**

(1) Ghi số lượng phù hiệu đơn vị xin cấp.

**13. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu.**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:*

Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

- Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc;

- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ công chức lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg và gửi cho cá nhân, tổ chức.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai cấp đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Chứng từ xác định quyền sở hữu xe máy chuyên dùng, là một trong những chứng từ sau:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ(bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);

+ Văn bản của bên cho thuê tài chính đồng ý cho bên thuê xe máy chuyên dùng được đăng ký quyền sở hữu (bản chính);

+ Quyết định tiếp nhận viện trợ của cơ quan có thẩm quyền (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản phát mại theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Lệnh xuất hàng của Cục Dự trữ quốc gia. Trường hợp lệnh xuất hàng gồm nhiều xe máy chuyên dùng thì mỗi xe phải có một bản sao có chứng thực.

+Trường hợp mua bán hoặc cho, tặng qua nhiều người, khi làm thủ tục đăng ký, chỉ cần chứng từ mua bán, cho, tặng lần cuối cùng.

- Chứng từ nguồn gốc xe máy chuyên dùng:

+ Đối với xe máy chuyên dùng sản xuất, lắp ráp trong nước, chứng từ nguồn gốc là phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng của cơ sở sản xuất (bản chính;

+ Đối với xe máy chuyên dùng nhập khẩu, chứng từ nguồn gốc là tờ khai hàng hoá nhập khẩu theo mẫu quy định của Bộ Tài chính (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Đối với xe máy chuyên dùng đã qua cải tạo, ngoài chứng từ quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều này phải có thêm biên bản nghiệm thu xuất xưởng của cơ sở được phép cải tạo. Trường hợp thay thế tổng thành máy, khung xe phải có chứng từ mua bán tổng thành máy hoặc khung xe thay thế. Nếu tổng thành máy, khung xe thay thế được sử dụng từ các xe máy chuyên dùng đã được cấp đăng ký, phải có tờ khai xoá sổ đăng ký theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này (các loại giấy tờ nêu trên là bản chính);

+ Đối với xe máy chuyên dùng không có nguồn gốc hợp pháp đã được cơ quan có thẩm quyền xử lý phải có quyết định xử lý theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có chứng thực).

- Trường hợp chủ sở hữu mất một trong những giấy tờ xác định nguồn gốc xe máy chuyên dùng thì phải nộp thêm bản cam đoan theo mẫu (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *05 ngày làm việc*, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải;

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**- Phí và lệ phí:** Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**- Tên mẫu đơn:**

+Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

+ Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

**- Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có giấy uỷ quyền của của sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

+ Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:.......................

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...……………………………

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:……….……

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:..........……………………..…

Địa chỉ thường trú:...……………………………...………………………………

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:……………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: ...………………………

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản suất:…….……………….

Số động cơ:…………………………………….Số khung:…….……………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:………………

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú: - Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng;*

*- Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính;*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

*Mẫu:*

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:………………………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….…………………………….......

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp………………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...……………

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….……

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng……………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:………………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**14. Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:*

Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc;

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ công chức lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Một trong các chứng từ xác định quyền chủ sở hữu xe máy chuyên dùng sau đây:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Trường hợp di chuyển không thay đổi chủ sở hữu, trong hồ sơ di chuyển không phải nộp chứng từ xác định quyền sở hữu.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn *01 ngày* làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (nếu nộp hồ sơ từ 15h – 17h thì hẹn trả vào 09h ngày hôm sau).

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải;

**- Kết quả thực hiện TTHC**: Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

**- Phí và lệ phí:** Không có.

**- Tên mẫu đơn:** Tờ khai di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng.

**- Yêu cầu thực hiện TTHC:**

**-** Người làm thủ tục di chuyển đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

+ Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ

*Mẫu:*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI DI CHUYỂN ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..………..............Số CMND hoặc hộ chiếu........

Ngày cấp:……………………………...............Nơi cấp...……...…………

Địa chỉ thường trú:……………………………....................................

Họ và tên đồng sở hữu (nếu có):……………………………………………

Địa chỉ thường trú:.............................................Số CMND hoặc hộ chiếu...........

Ngày cấp:……………………………………....Nơi cấp……………………

Hiện đã mua, được cho, tặng hoặc thừa kế chiếc xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:..……..............................Màu sơn…………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):.……………………………Công suất ...……………

Nước sản xuất:.…………………………………… Năm sản xuất……………

Số động cơ:.………………………………………. Số khung…………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):..…...………......Trọng lượng……………

Biển số đăng ký :………………Ngày cấp……………Cơ quan cấp............

Nơi cấp…………………………………………………………………………

Nay tôi xin được di chuyển xe máy chuyên dùng nói trên đến Sở Giao thông vận tải........để được tiếp tục đăng ký.

….., ngày…..tháng…….năm……

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải nơi chuyển đi:**

Đã di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng Biển đăng ký:……………

đến Sở Giao thông vận tải:.....................................

Ngày........tháng........năm...........

Cán bộ làm thủ tục Trưởng Phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT

(Ký, ghi rõ họ và tên) (ký, ghi rõ họ và tên) (ký tên, đóng dấu)

*\* Ghi chú: Tờ khai lập thành 02 bản: - 01 Cho chủ sở hữu kèm hồ sơ;*

*- 01 Lưu tại Sở GTVT nơi di chuyển đi.*

**15. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng cho chủ sở hữu xe máy chuyên dùng di chuyển đến.**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:*

Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc;

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ công chức lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a)Thành phần hồ sơ:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng);

- Phiếu di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng (bản chính) đã được cấp kèm theo hồ sơ xe máy chuyên dùng đã đăng ký.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *05 ngày làm việc*, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải;

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**- Phí và lệ phí:** Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**- Tên mẫu đơn:**

+Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu Phụ lục 3 kèm theo Thông tư 20/2010/TT-BGTVT

+ Tờ cam đoan về hồ sơ xe máy chuyên dùng.

**- Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được uỷ quyền thì phải có giấy uỷ quyền của của sở hữu theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

+ Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

**Phụ lục 2**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ**

**XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:...............

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:……………………………………….

Địa chỉ thường trú:……………………………………...……………………………………

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:……………………..

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:..........………………………………..

Địa chỉ thường trú:...……………………………...………………………………………….

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:…………………………….

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: ...…………………………….....

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản xuất:…….…………………………

Số động cơ:…………………………………….Số khung:…….……………………………..

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:………………………..

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 3**

**MẪU GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..……............ Số CMND hoặc hộ chiếu:........…………

Ngày cấp:……………………… ..............Nơi cấp:...……...……….....………….

Địa chỉ thường trú:…………………….............................................…………………

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có)………………………………........……………..

Địa chỉ thường trú……………………………Số CMND hoặc hộ chiếu……………

Ngày cấp………………………………….... Nơi cấp:………………...…………..

Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:

Loại xe máy chuyên dùng:………...................Màu sơn:…………………………….

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……… ………………Công suất:...…………………...…..

Nước sản xuất:……………………………….Năm sản xuất:……………………...

Số động cơ:...………………………………...Số khung………………….………….

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……..…….......Trọng lượng………………...….

Biển số đăng ký (nếu có):……………Ngày cấp……………Cơ quan cấp............…

Nơi cấp:……………………………………………………………………………

Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà)……………

Địa chỉ thường trú:…………………………………………………………………….

Số CMND hoặc hộ chiếu số:.......................ngày cấp.................Nơi cấp......................

Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

…., ngày…..tháng…….năm……

Xác nhận của chính quyền cấp xã Người bán, cho, tặng ký tên

nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú. (Ghi rõ họ và tên)

*(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký*

*của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)*

*\*Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

**Phụ lục 19**

**MẪU TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG.**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….…………………………

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn…………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...……

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….……

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng…………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**16. Sang tên đăng ký xe máy chuyên dùng cho tổ chức, cá nhân do cùng một Sở Giao thông vận tải quản lý.**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc;

Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ công chức lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Một trong các chứng từ xác định quyền sở hữu sau đây:

+ Quyết định hoặc hợp đồng mua bán kèm hoá đơn theo quy định của Bộ Tài chính (bản chính);

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu (bản chính hoặc bản sao có chứng thực);

+ Văn bản thừa kế theo quy định của pháp luật (bản chính hoặc bản sao có công chứng).

- Trường hợp thiếu một trong những giấy tờ trong hồ sơ sang tên đăng ký thì phải nộp thêm tờ cam đoan (bản chính).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn *01 ngày làm việc* kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (nếu nộp hồ sơ từ 15h – 17h thì hẹn trả vào 09h ngày hôm sau).

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải;

**- Kết quả thực hiện TTHC**:

Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**- Phí và lệ phí:** Lệ phí cấp đăng ký, biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**- Tên mẫu đơn:**

+Tờ khai đăng ký xe máy chuyên dùng;

+ Giấy bán, cho, tặng theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT;

+ Tờ cam đoan về hồ sơ đăng ký xe máy chuyên dùng.

**- Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

+ Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 59/2011/TT-BGTVT ngày 05/12/2011 của Bộ trưởng Bộ GTVT sửa đổi một số điều của Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

**Phụ lục 2**

**MẪU TỜ KHAI ĐĂNG KÝ**

**XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………….......... Số CMND hoặc hộ chiếu:...............

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:……………………………………….

Địa chỉ thường trú:……………………………………...……………………………………

Tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.....................Số CMND hoặc hộ chiếu:……………………..

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp:..........………………………………..

Địa chỉ thường trú:...……………………………...………………………………………….

Loại xe máy chuyên dùng:…………...........................Màu sơn:…………………………….

Nhãn hiệu (mác, kiểu):………………… ……Công suất: ...…………………………….....

Nước sản xuất:…………………………………Năm sản xuất:…….…………………………

Số động cơ:…………………………………….Số khung:…….……………………………..

Kích thước bao (dài x rộng x cao): …………………....Trọng lượng:………………………..

Giấy tờ kèm theo, gồm có:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp đăng ký, biển số cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

… , ngày......tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải:**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- Đăng ký lần đầu - Mất chứng từ gốc

- **Số biển số cũ:** (nếu có):………………...**Biển số đề nghị cấp:** ……….…………

Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 3**

**MẪU GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20 /2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY BÁN, CHO, TẶNG XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………..……............ Số CMND hoặc hộ chiếu:........…………

Ngày cấp:……………………… ..............Nơi cấp:...……...……….....………….

Địa chỉ thường trú:…………………….............................................…………………

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có)………………………………........……………..

Địa chỉ thường trú……………………………Số CMND hoặc hộ chiếu……………

Ngày cấp………………………………….... Nơi cấp:………………...…………..

Hiện tôi đang là chủ sở hữu chiếc xe máy chuyên dùng này:

Loại xe máy chuyên dùng:………...................Màu sơn:…………………………….

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……… ………………Công suất:...…………………...…..

Nước sản xuất:……………………………….Năm sản xuất:……………………...

Số động cơ:...………………………………...Số khung………………….………….

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……..…….......Trọng lượng………………...….

Biển số đăng ký (nếu có):……………Ngày cấp……………Cơ quan cấp............…

Nơi cấp:……………………………………………………………………………

Nay tôi bán, cho, tặng chiếc xe máy chuyên dùng này cho ông bà)……………

Địa chỉ thường trú:…………………………………………………………………….

Số CMND hoặc hộ chiếu số:.......................ngày cấp.................Nơi cấp......................

Các loại giấy tờ kèm theo bao gồm:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Số của giấy tờ | Trích yếu nội dung | Nơi cấp giấy tờ | Ngày cấp | Số trang |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |

…., ngày…..tháng…….năm……

Xác nhận của chính quyền cấp xã Người bán, cho, tặng ký tên

nơi người bán, cho, tặng đăng ký thường trú. (Ghi rõ họ và tên)

*(Nội dung xác nhận là chứng thực chữ ký*

*của người bán, cho, tặng xe máy chuyên dùng)*

*\*Ghi chú: Nếu là đồng chủ sở hữu phải có đủ chữ ký của đồng chủ sở hữu.*

**Phụ lục 19**

**MẪU TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG.**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

Tên Sở GTVT **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ CAM ĐOAN VỀ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Tên chủ sở hữu:…………………………………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………………………

Số CMND hoặc số hộ chiếu:………………….…………………………

Ngày cấp:…………………………………..Nơi cấp……………………

Hiện tôi là chủ sở hữu xe máy chuyên dùng có đặc điểm sau:

Loại xe máy chuyên dùng:……….................................Màu sơn…………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):……………………………… Công suất ...……

Nước sản xuất:…………………………………………Năm sản xuất…….…

Số động cơ:…………………………………………….Số khung…….……

Kích thước bao (dài x rộng x cao):...………………......Trọng lượng…………

Đúng hay không đúng với tờ khai cấp đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng:…

Hồ sơ xin cấp đăng ký, biển số của tôi thiếu các loại giấy tờ sau:

1. Mất Chứng từ nguồn gốc hoặc mất Giấy chứng nhận đăng ký

Lý do……………

2. Mất các loại giấy tờ có trong hồ sơ như sau:

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

+…………………………………………………………………..

Lý do:………………………………………………………

Xin cam đoan lời khai trên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung đã khai báo.

……, ngày......tháng…… năm……

Chủ phương tiện

( ký, ghi rõ họ tên)

*\* Ghi chú:*

*Bản cam đoan được lập thành 02 bản: Chủ sở hữu xe máy chuyên dùng giữ 01 bản: Sở Giao thông vận tải lưu hồ sơ cấp đăng ký 01 bản.*

**17. Đổi Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng.**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Tổ chức, cá nhân có xe máy chuyên dùng đã cải tạo, thay đổi màu sơn hoặc Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng, biển số bị hỏng nộp hồ sơ trực tiếp đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long).

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc;

Công chức lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức.

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả kiểm tra;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng theo mẫu (bản chính);

- Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng đã được cấp (bản chính);

- Biển số xe máy chuyên dùng (trường hợp biển số bị hỏng).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** Trong thời hạn *01 ngày làm việc* kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định (nếu nộp hồ sơ từ 15h – 17h thì hẹn trả vào 09h ngày hôm sau).

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC**: Giấy chứng nhận đăng ký xe máy chuyên dùng và biển số.

**- Phí và lệ phí:**

+ Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký kèm theo biển số: 200.000 đồng/lần cấp/phương tiện;

+ Cấp lại hoặc đổi giấy đăng ký không kèm theo biển số: 50.000 đồng/lần cấp/phương tiện.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Tờ khai đổi, cấp lại đăng ký biển số xe máy chuyên dùng.

**- Yêu cầu thực hiện TTHC:** Người làm thủ tục đăng ký phải xuất trình giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra. Người được chủ sở hữu uỷ quyền phải có Giấy uỷ quyền theo quy định của pháp luật hoặc người đại diện cho tổ chức phải có giấy giới thiệu của tổ chức đó.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;

+ Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30/7/2010 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành quy định về cấp, đổi, thu hồi đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng có tham gia giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ;

+ Thông tư số 73/2012/TT-BTC ngày 14/5/2012 của Bộ Tài chính sửa đổi Thông tư số 76/2004/TT-BTC ngày 29/7/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ thu nộp và quản lý, sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giao thông đường bộ.

**Phụ lục 9**

**MẪU TỜ KHAI ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ**

**XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 20/2010/TT-BGTVT ngày 30 tháng 7 năm 2010)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**TỜ KHAI**

**ĐỔI, CẤP LẠI ĐĂNG KÝ, BIỂN SỐ XE MÁY CHUYÊN DÙNG**

Họ và tên chủ sở hữu:………………….…......Số giấy CMND hoặc hộ chiếu...................................

Ngày cấp:……………………………..............Nơi cấp………………………………………

Địa chỉ thường trú:……………………………………...………………………………………...

Họ và tên đồng chủ sở hữu (nếu có):.................................Số CMND hoặc hộ chiếu……….………

Ngày cấp:……………………………..........Nơi cấp..........……………………..…………..

Địa chỉ thường trú:...……………………………...……………………………………………….

Loại xe máy chuyên dùng:…………............................Màu sơn…………………………………

Nhãn hiệu (mác, kiểu):…………………………..……Công suất ...……………………………

Nước sản xuất:………………………………………...Năm sản suất…….…………………….

Số động cơ:...………………………………………….Số khung…….…………………………

Kích thước bao (dài x rộng x cao):……….…………..Trọng lượng……………………………

Chiếc xe máy chuyên dùng này đã được Sở Giao thông vận tải.........................

cấp đăng ký, biển số ngày.....tháng ......năm.......

Biển số đã đăng ký:

Lý do xin đổi, cấp lại:...................................................................................................

Nội dung khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đề nghị Sở Giao thông vận tải ………………xét cấp .......................... cho chiếc xe máy chuyên dùng khai trên

…ngày tháng…… năm………

Người khai ký tên

**Phần ghi của Sở Giao thông vận tải :**

*(Dán trà số động cơ) (Dán trà số khung)*

*\* chỉ dán trà số động cơ của máy chính*

- **Cấp theo Số biển số cũ:** .........................cấp đổi cấp lại ngày.....tháng........năm......

**Cán bộ làm thủ tục Trưởng phòng duyệt Giám đốc Sở GTVT**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký tên, đóng dấu)

*\*Ghi chú:*

*- Đánh dấu "x" vào các ô tương ứng; Mục công suất ghi theo hồ sơ kỹ thuật của động cơ chính.*

*- Cán bộ làm thủ tục phải ký chéo vào vị trí dán trà số động cơ, số khung.*

**18. Cấp mới Giấy phép lái xe.**

**- Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:** Cá nhân học lái xe lần đầu, học lái xe nâng hạng nộp hồ sơ dự học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe tại cơ sở được phép đào tạo lái xe.

b) Giải quyết TTHC:

Cơ sở đào tạo tổ chức đào tạo theo chương trình quy định; nộp hồ sơ và báo cáo danh sách đề nghị sát hạch đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long tiếp nhận hồ sơ, báo cáo sát hạch, tổ chức sát hạch lái xe và cấp Giấy phép lái xe cho người trúng tuyển kỳ sát hạch.

Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe.

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại cơ sở đào tạo lái xe.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

***\* Đối với người dự sát hạch lái xe lần đầu:***

- Hồ sơ do người học lái xe nộp:

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:

+ Hồ sơ của người học lái xe;

+ Chứng chỉ sơ cấp hoặc chứng chỉ đào tạo đối với người dự sát hạch lái xe hạng A4, B1, B2 và C;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch.

*\** ***Đối với người dự sát hạch nâng hạng Giấy phép lái xe lên hạng B1 số, B2, C, D, E và các hạng F:***

- Hồ sơ do người học nâng hạng Giấy phép lái xe nộp:

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân đối với người Việt Nam; hộ chiếu còn thời hạn đối với người Việt Nam định cư ở nước ngoài;

+ Bản sao hộ chiếu còn thời hạn trên 06 tháng và thẻ tạm trú hoặc thẻ thường trú hoặc chứng minh thư ngoại giao hoặc chứng minh thư công vụ đối với người nước ngoài;

+ Giấy khám sức khoẻ của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định.

+ Bản khai thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn theo mẫu và phải chịu trách nhiệm về nội dung khai trước pháp luật;

+ Bản sao bằng tốt nghiệp trung học cơ sở hoặc bằng cấp tương đương trở lên đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe lên các hạng D, E (xuất trình bản chính khi kiểm tra hồ sơ dự sát hạch);

+ Bản sao giấy phép lái xe (xuất trình bản chính khi dự sát hạch).

- Hồ sơ do cơ sở đào tạo lái xe nộp:

+ Hồ sơ của người học nâng hạng Giấy phép lái xe;

+ Chứng chỉ đào tạo nâng hạng;

+ Danh sách đề nghị sát hạch của cơ sở đào tạo lái xe có tên của người dự sát hạch nâng hạng.

(Người học lái xe khi đến nộp hồ sơ được cơ sở đào tạo chụp ảnh trực tiếp lưu giữ trong cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**-Thời hạn giải quyết: Chậm nhất** không quá *05 ngày làm việc*, kể từ ngày kết thúc kỳ sát hạch.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long;

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**- Phí, lệ phí:**

+ Lệ phí cấp Giấy phép lái xe: 135.000 đ/lần.

+ Phí sát hạch lái xe:

**\*** Đối với thi sát hạch lái xe mô tô (hạng xe A1, A2, A3, A4): sát hạch lý thuyết: 40.000đ/lần; sát hạch thực hành: 50.000đ/lần.

\* Đối với thi sát hạch lái xe ô tô (hạng xe B1, B2, C, D, E, F): sát hạch lý thuyết: 90.000đ/lần; sát hạch trong hình: 300.000 đ/lần; sát hạch trên đường giao thông công cộng: 60.000 đ/lần.

**- Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:**

+ Đơn đề nghị học, sát hạch để cấp Giấy phép lái xe;

+ Bản khai thời gian và số km lái xe an toàn (đối với trường hợp nâng hạng giấy phép lái xe).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

+ Là công dân Việt Nam, người nước ngoài được pháp cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

+ Đủ tuổi (tính đến ngày dự sát hạch lái xe), sức khoẻ, trình độ văn hóa theo quy định; đối với người học để nâng hạng giấy phép lái xe, có thể học trước nhưng chỉ được dự sát hạch khi đủ tuổi theo quy định.

+ Người học để nâng hạng giấy phép lái xe phải có đủ thời gian hành nghề và số km lái xe an toàn như sau:

\* Hạng B1 số tự động lên B1: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

\* Hạng B1 lên B2: thời gian lái xe từ 01 năm trở lên và 12.000 km lái xe an toàn trở lên;

\* Hạng B2 lên C, C lên D, D lên E; các hạng B2, C, D, E lên hạng F tương ứng; các hạng D, E lên FC: thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên và 50.000 km lái xe an toàn trở lên;

\* Hạng B2 lên D, C lên E: thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên và 100.000 km lái xe an toàn trở lên.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 12/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu*

|  |
| --- |
| Ảnh màu  3 cm x 4 cm  chụp không quá 06 tháng |

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

|  |  |
| --- | --- |
|  | ĐƠN ĐỀ NGHỊ HỌC, SÁT HẠCH ĐỂ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE  Kính gửi:.............................................................................. |

Tôi là:....................................................................Quốc tịch.....................

Sinh ngày: ..... /..... / ..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:..................................... ..........................

Nơi cư trú:..................................................................................................

.....................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu):.......Cấp ngày: ..... /..... / ....., Nơi cấp: ..................................................

Đã có giấy phép lái xe số:.......................................hạng...........................

do:........................................................................ cấp ngày: ..... /..... / .......

Đề nghị cho tôi được học, dự sát hạch để cấp giấy phép lái xe hạng: .......

Đăng ký tích hợp giấy phép lái xe

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận đủ sức khỏe;

- 02 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm, chụp không quá 06 tháng;

- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu (đối với người nước ngoài);

- Các tài liệu khác có liên quan gồm:

................................................................................................................. .........

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.................., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....*  NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Mẫu*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KHAI  
THỜI GIAN HÀNH NGHỀ VÀ SỐ KM LÁI XE AN TOÀN

Tôi là: ...................................................................................................................

Sinh ngày: ..... /..... / ..... Nam, Nữ: .....

Nơi cư trú: ............................................................................................................

...............................................................................................................................

Có giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân số: ...........………...

Cấp ngày: ..... /..... / ....., nơi cấp: .........................................................................

Hiện tại tôi có giấy phép lái xe số: .............................., hạng ..............................

do: .................................................................................. cấp ngày: ..... /..... / .....

Từ ngày được cấp giấy phép lái xe đến nay, tôi đã có ............. năm lái xe và có ..........km lái xe an toàn.

Đề nghị ......................................................................... cho tôi được dự sát hạch nâng hạng lấy giấy phép lái xe hạng ......

Tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung khai trên.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *.........., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....*  NGƯỜI KHAI *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

**19. Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp.**

**- Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:** Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

- Giấy phép lái xe được đổi trong các trường hợp sau:

+ Giấy phép lái xe bằng giấy bìa đang lưu hành còn thời hạn sử dụng được đổi sang giấy phép lái xe bằng vật liệu PET.

+ Giấy phép lái xe được đổi trước khi hết thời hạn sử dụng; Giấy phép lái xe bị hỏng;

+ Người có Giấy phép lái xe hạng E đủ 55 tuổi đối với nam và 50 tuổi đối với nữ được đổi Giấy phép lái xe từ hạng D trở xuống;

+ Năm sinh, họ, tên, tên đệm ghi trên Giấy phép lái xe có sai lệch so với năm sinh, họ, tên, tên đệm trên giấy chứng minh nhân dân.

b) Giải quyết TTHC:

+ Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

+ Bước 2: Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

(Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long hoặc kê khai trực tuyến tại địa chỉ *http://dichvucong.gplx.gov.vn:8000.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe theo mẫu;

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, (trừ người có giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3 và người có nhu cầu tách giấy phép lái xe có thời hạn và không thời hạn).

- Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam) hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng (đối với người nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**  *01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định (nộp hồ sơ từ 07h – 09h, hẹn trả vào 10h30’; nộp hồ sơ từ 09h – 11h hẹn trả vào 15h; nộp hồ sơ từ 13h – 15h hẹn trả vào 16h30’; nộp hồ sơ từ 15h – 17h hẹn trả vào 09h ngày hôm sau).*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**- Phí, lệ phí:** Lệ phí: 135.000 đ/lần.

**- Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe phải có trong hệ thống thông tin giấy phép lái xe, bảng kê danh sách cấp giấp phép lái xe (sổ quản lý).

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**+** Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

|  |
| --- |
| ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*  Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) |

Tôi là:........................................................Quốc tịch:................................................

Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................... ....................................................................................................................................

Nơi cư trú:..................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .......... .............................................. cấp ngày ..... / ..... /.....

Nơi cấp:...................... Đã học lái xe tại:................................................năm.............

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:........................................................số:.................

do:............................................................................................. cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:..............

Lý do:.........................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..............., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

**20. Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp**

**- Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:** Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

b) Giải quyết TTHC:

+ Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

+ Bước 2: Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

(Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long hoặc kê khai trực tuyến tại địa chỉ *http://dichvucong.gplx.gov.vn:8000.*

**3. Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản sao Quyết định thôi phục vụ trong Quân đội thời hạn không quá 06 tháng tính từ ngày Thủ trưởng cấp trung đoàn ký trở lên hoặc quyết định chấm dứt hợp đồng lao động, thời hạn không quá 6 tháng tính từ ngày cấp có thẩm quyền của doanh nghiệp quốc phòng ký.

- Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3.

- Bản sao giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**  01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định (nộp hồ sơ từ 07h – 09h, hẹn trả vào 10h30’; nộp hồ sơ từ 09h – 11h hẹn trả vào 15h; nộp hồ sơ từ 13h – 15h hẹn trả vào 16h30’; nộp hồ sơ từ 15h – 17h hẹn trả vào 09h ngày hôm sau).

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**- Phí, lệ phí:** Lệ phí 135.000 đ/lần.

**- Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

+ Người có giấy phép lái xe quân sự còn thời hạn sử dụng khi thôi phục vụ trong quân đội (phục viên, xuất ngũ, chuyển ngành, nghỉ hưu, chấm dứt hợp đồng lao động trong các doanh nghiệp quốc phòng…).

+ Quyết định ra quân tính đến ngày làm thủ tục đổi không quá thời hạn 06 tháng.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

|  |
| --- |
| ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*  Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) |

Tôi là:........................................................Quốc tịch:................................................

Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................... ....................................................................................................................................

Nơi cư trú:..................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .......... .............................................. cấp ngày ..... / ..... /.....

Nơi cấp:...................... Đã học lái xe tại:................................................năm.............

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:........................................................số:.................

do:............................................................................................. cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:..............

Lý do:.........................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..............., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu*

**21. Đổi giấy phép lái xe do ngành Công an cấp.**

**- Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:** Người có Giấy phép lái xe nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

b) Giải quyết TTHC:

+ Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

+ Bước 2: Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

(Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long hoặc kê khai trực tuyến tại địa chỉ *http://dichvucong.gplx.gov.vn:8000.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

-  ***Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe mô tô do ngành công an cấp trước ngày 01/8/1995:***

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao giấy phép lái xe, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam);

+ Hồ sơ gốc (nếu có);

***- Hồ sơ đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp từ ngày 01/8/1995 trở về sau:***

+ Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

+ Bản sao Quyết định ra khỏi ngành hoặc nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền;

+ Giấy khám sức khỏe của người lái xe do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp theo quy định, trừ trường hợp đổi giấy phép lái xe hạng A1, A2, A3;

+ Bản sao giấy phép lái xe của ngành Công an cấp còn thời hạn sử dụng, giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn có ghi số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (đối với người Việt Nam).

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**  *01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định (nộp hồ sơ từ 07h – 09h, hẹn trả vào 10h30’; nộp hồ sơ từ 09h – 11h hẹn trả vào 15h; nộp hồ sơ từ 13h – 15h hẹn trả vào 16h30’; nộp hồ sơ từ 15h – 17h hẹn trả vào 09h ngày hôm sau).*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**- Phí, lệ phí:** Lệ phí: 135.000đ/lần.

**- Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Cán bộ, chiến sĩ công an có giấy phép lái xe do ngành Công an cấp sau ngày 31 tháng 7 năm 1995 còn thời hạn sử dụng, không bị tẩy xóa, rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

|  |
| --- |
| ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*  Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) |

Tôi là:........................................................Quốc tịch:................................................

Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................... ....................................................................................................................................

Nơi cư trú:..................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .......... .............................................. cấp ngày ..... / ..... /.....

Nơi cấp:...................... Đã học lái xe tại:................................................năm.............

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:........................................................số:.................

do:............................................................................................. cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:..............

Lý do:.........................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..............., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu*

**22. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp.**

**- Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:** Người có Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long (nếu đăng ký cư trú, lưu trú, tạm trú hoặc định cư lâu dài tại địa bàn tỉnh Vĩnh Long).

b) Giải quyết TTHC:

+ Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

+ Bước 2: Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

(Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long hoặc kê khai trực tuyến tại địa chỉ *http://dichvucong.gplx.gov.vn:8000.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan Công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

- Bản sao hộ chiếu (phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam), giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh thư ngoại giao hoặc công vụ do Bộ Ngoại giao Việt Nam cấp hoặc bản sao thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ tạm trú, thẻ thường trú, giấy tờ xác minh định cư lâu dài tại Việt Nam đối với người nước ngoài.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**  *01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định (nộp hồ sơ từ 07h – 09h, hẹn trả vào 10h30’; nộp hồ sơ từ 09h – 11h hẹn trả vào 15h; nộp hồ sơ từ 13h – 15h hẹn trả vào 16h30’; nộp hồ sơ từ 15h – 17h hẹn trả vào 09h ngày hôm sau).*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**- Phí, lệ phí:** Lệ phí: 135.000đ/ lần.

**- Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi Giấy phép lái xe.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

+ Người nước ngoài cư trú, làm việc, học tập tại Việt Nam, có giấy chứng minh thư ngoại giao, giấy chứng minh thư công vụ, thẻ tạm trú, thẻ cư trú, thẻ lưu trú, thẻ thường trú với thời gian từ 03 tháng trở lên, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.

+ Giấy phép lái xe của nước ngoài không bị tẩy xóa, rách nát; còn đủ các yếu tố cần thiết để đổi giấy phép lái xe hoặc không có sự khác biệt về nhận dạng.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

|  |
| --- |
| ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE *(1)*  Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...) |

Tôi là:........................................................Quốc tịch:................................................

Sinh ngày:...../…../..... Nam, Nữ: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:............................................................................... ....................................................................................................................................

Nơi cư trú:..................................................................................................................

Số giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân (hoặc hộ chiếu): .......... .............................................. cấp ngày ..... / ..... /.....

Nơi cấp:...................... Đã học lái xe tại:................................................năm.............

Hiện đã có giấy phép lái xe hạng:........................................................số:.................

do:............................................................................................. cấp ngày...../...../.....

Đề nghị cho tôi được đổi giấy phép lái xe cơ giới đường bộ hạng:..............

Lý do:.........................................................................................................................

Xin gửi kèm theo:

- 01 giấy chứng nhận sức khỏe;

- Bản sao chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân, giấy phép lái xe sắp hết hạn;

- Hồ sơ gốc lái xe;

Tôi xin cam đoan những điều ghi trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm *(2).*

|  |  |
| --- | --- |
|  | *..............., ngày ..... tháng ..... năm 20 .....* NGƯỜI LÀM ĐƠN *(Ký và ghi rõ họ, tên)* |

*Ghi chú:*

*(1): Mẫu này dùng chung cho trường hợp lập lại hồ sơ mới.*

*(2): Trường hợp giả khai báo mất hoặc tẩy xóa, làm sai lệch các thông tin trên giấy phép lái xe; sử dụng giấy phép lái xe giả hoặc hồ sơ lái xe giả; có hành vi cố tình gian dối khác để được đổi, cấp lại giấy phép lái xe, ngoài việc bị Tổng cục Đường bộ Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải ra quyết định tịch thu giấy phép lái xe và hồ sơ gốc còn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và không được cấp giấy phép trong thời hạn 05 năm kể từ ngày phát hiện hành vi vi phạm; khi có nhu cầu cấp lại giấy phép lái xe phải học và sát hạch như trường hợp cấp giấy phép lái xe lần đầu.*

*Mẫu*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence- Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ  
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER’S LICENCE  
(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)  
 Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

|  |
| --- |
| Tôi là (Full name):..................................................................................................  Quốc tịch (Nationality):..........................................................................................  Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....................................................................  Hiện cư trú tại (Permanent Address):......................................................................  Số hộ chiếu (Passport No.):....................................................................................  Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):.........tháng (month).......... năm (year)..........  Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):.........  Cơ quan cấp (Issuing Office):..................................................................................  Tại (Place of issue):.................................................................................................  Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):....... tháng (month).........năm (year).............  Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):…..  .....................................................................................................................................  Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam). |

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *............, ngày (date) ...... tháng (month) ...... năm (year).....*  NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT) *(Ký và ghi rõ họ, tên)  (Signature and Full name)* |

**23. Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam.**

**- Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:** Người lái xe nộp hồ sơ đề nghị đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp cho khách du lịch nước ngoài lái xe vào Việt Nam đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

b) Giải quyết TTHC:

+ Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

+ Bước 2: Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

( Khi đến nộp hồ sơ, người lái xe được cơ quan cấp giấy phép lái xe chụp ảnh trực tiếp tại cơ quan cấp giấy phép lái xe và xuất trình bản chính các hồ sơ để đối chiếu, trừ các bản chính đã gửi).

**- Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính đến Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long hoặc kê khai trực tuyến tại địa chỉ *http://dichvucong.gplx.gov.vn:8000.*

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ, bao gồm:

- Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe theo mẫu;

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài ra tiếng Việt được bảo chứng chất lượng dịch thuật của cơ quan công chứng hoặc Đại sứ quán, Lãnh sự quán tại Việt Nam mà người dịch làm việc, đóng dấu giáp lai với bản sao giấy phép lái xe;

- Bản sao có chứng thực danh sách xuất nhập cảnh của Bộ Công an hoặc bản sao hộ chiếu gồm phần số hộ chiếu, họ tên và ảnh người được cấp, thời hạn sử dụng và trang thị thực nhập cảnh vào Việt Nam;

- 01 ảnh màu cỡ 3 cm x 4 cm nền ảnh màu xanh, kiểu chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước công dân.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:**  *01 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đầy đủ theo quy định (nộp hồ sơ từ 07h – 09h, hẹn trả vào 10h30’; nộp hồ sơ từ 09h – 11h hẹn trả vào 15h; nộp hồ sơ từ 13h – 15h hẹn trả vào 16h30’; nộp hồ sơ từ 15h – 17h hẹn trả vào 09h ngày hôm sau).*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải Vĩnh Long.

**- Kết quả của việc thực hiện TTHC:** Giấy phép lái xe.

**- Phí, lệ phí:** 135.000 đ/lần.

**- Tên mẫu đơn, tờ khai hành chính:** Đơn đề nghị đổi giấy phép lái xe.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Khách du lịch nước ngoài lái xe đăng ký nước ngoài vào Việt Nam, có giấy phép lái xe quốc gia còn thời hạn sử dụng.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Thông tư số 12/2017/TT-BGTVT ngày 15/4/2017 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về đào tạo, sát hạch, cấp giấy phép lái xe cơ giới đường bộ.

+ Thông tư số 188/2016/TT-BTC ngày 8/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí sát hạch lái xe; lệ phí cấp bằng, chứng chỉ hoạt động trên các phương tiện và lệ phí đăng ký, cấp biển xe máy chuyên dùng.

*Mẫu:*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence- Freedom – Happiness

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐỔI GIẤY PHÉP LÁI XE CƠ GIỚI ĐƯỜNG BỘ  
APPLICATION FORM FOR EXCHANGE OF DRIVER’S LICENCE  
(Dùng cho người nước ngoài) - (For Foreigner only)

Kính gửi (To): Tổng cục Đường bộ Việt Nam (Sở Giao thông vận tải...)  
 Directorate for Road of Viet Nam (Transport Department...)

|  |
| --- |
| Tôi là (Full name):..................................................................................................  Quốc tịch (Nationality):..........................................................................................  Ngày tháng năm sinh (Date of birth):.....................................................................  Hiện cư trú tại (Permanent Address):......................................................................  Số hộ chiếu (Passport No.):....................................................................................  Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):.........tháng (month).......... năm (year)..........  Hiện có giấy phép lái xe cơ giới đường bộ số (Current Driving Licence No.):.........  Cơ quan cấp (Issuing Office):..................................................................................  Tại (Place of issue):.................................................................................................  Cấp ngày (Issuing date): ngày (date):....... tháng (month).........năm (year).............  Lý do xin đổi giấy phép lái xe (Reason of application for new driving licence):…..  .....................................................................................................................................  Định cư lâu dài tại Việt Nam/không định cư lâu dài tại Việt Nam (Long time of staying in Viet Nam/Short time of staying in Viet Nam). |

Gửi kèm theo đơn gồm có (Documents enclosed as follows):

- Bản dịch giấy phép lái xe nước ngoài đã được công chứng (Translation of current foreign driving licence with notation);

- Bản sao hộ chiếu (phần họ tên và ảnh; trang thị thực nhập cảnh) [Copy of passport (included pages: full name, photograph, valid visa)].

Tôi xin đảm bảo lời khai trên đây là đúng sự thật.

I certify that all the information included in this application and attached documents is correct and true.

|  |  |
| --- | --- |
|  | *............, ngày (date) ...... tháng (month) ...... năm (year).....*  NGƯỜI LÀM ĐƠN (APPLICANT) *(Ký và ghi rõ họ, tên)  (Signature and Full name)* |

**24. Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung kịp thời.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì sau **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì sau **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ** *(quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017).*

*a) Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ theo mẫu tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015;

- 01 (một) bộ hồ sơ, bản vẽ thiết kế của dự án đầu tư hoặc hồ sơ thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công công trình có đầy đủ các thông tin sau: vị trí, lý trình đường bộ xây dựng công trình thiết yếu; kích thước công trình thiết yếu trên mặt bằng công trình đường bộ và trong phạm vi đất dành cho đường bộ; khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu bên trên hoặc bên dưới đến bề mặt công trình đường bộ; khoảng cách theo phương ngang từ cột, tuyến đường dây, đường ống, bộ phận khác của công trình thiết yếu đến mép ngoài rãnh thoát nước dọc, mép mặt đường xe chạy hoặc mép ngoài cùng của mặt đường bộ. Đối với công trình thiết yếu xây dựng trong phạm vi dải phân cách giữa của đường bộ phải có thông tin về khoảng cách theo phương thẳng đứng từ công trình thiết yếu đến mặt đất, từ công trình thiết yếu đến mép ngoài dải phân cách giữa. Công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác phải có báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế;

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 07 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định *(quy định tại khoản 6, Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017).*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận thực hiện dự án.

**- Phí, lệ phí:** Không.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

+ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu đơn:

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Chấp thuận xây dựng (...3...)

Kính gửi ……………………….. (4)

- Căn cứ Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày .... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (…5…..)

( …2....) đề nghị được chấp thuận xây dựng công trình (...6...) trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của (…..7…..)

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

Hồ sơ thiết kế của (...6...);

Bản sao (...8...) Báo cáo kết quả thẩm tra Hồ sơ thiết kế của (...6...) do (...9...) thực hiện.

- (...10...)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

Địa chỉ liên hệ: …..

Số điện thoại: …….

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

***Hướng dẫn nội dung ghi trong Đơn đề nghị***

(1) Tên tổ chức hoặc cơ quan cấp trên của đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị (nếu có).

(2) Tên đơn vị hoặc tổ chức đứng Đơn đề nghị chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu.

(3) Ghi vắn tắt tên công trình, quốc lộ, địa phương; ví dụ “Chấp thuận xây dựng đường ống cấp nước sinh hoạt trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của QL5, địa phận tỉnh Hưng Yên”.

(4) Tên cơ quan chấp thuận cho phép xây dựng công trình thiết yếu được quy định tại Điều 13 Thông tư này.

(5) Văn bản cho phép chuẩn bị đầu tư hoặc phê duyệt đầu tư công trình thiết yếu của cấp có thẩm quyền.

(6) Ghi rõ, đầy đủ tên, nhóm dự án của công trình thiết yếu.

(7) Ghi rõ tên quốc lộ, cấp kỹ thuật của đường hiện tại và theo quy hoạch, lý trình, phía bên trái hoặc bên phải quốc lộ, các vị trí cắt ngang qua quốc lộ (nếu có).

(8) Bản sao có xác nhận của chủ công trình (nếu công trình thiết yếu xây lắp qua cầu, hầm hoặc các công trình đường bộ phức tạp khác).

(9) Tổ chức tư vấn (độc lập với tổ chức tư vấn lập Hồ sơ thiết kế) được phép hành nghề trong lĩnh vực công trình đường bộ.

(10) Các tài liệu khác nếu (...2...) thấy cần thiết./.

**25. Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung kịp thời.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì sau **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì sau **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ** *(quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017).*

*a) Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình theo mẫu tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Thông tư 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015;

- Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 13;

- 02 (hai) bộ hồ sơ bản vẽ thiết kế thi công và biện pháp tổ chức thi công đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt (bản chính). Nội dung bản vẽ thiết kế thi công thể hiện quy mô công trình, hạng mục công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ và các nội dung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 13; biện pháp tổ chức thi công thể hiện phương án thi công phương án bảo đảm an toàn trong thi công xây dựng, an toàn giao thông và tổ chức giao thông.

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định *(quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017).*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận thực hiện dự án.

**- Phí, lệ phí**: không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp phép thi công công trình.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

+ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu đơn:

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  **-------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP PHÉP THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

**Cấp phép thi công** (...3...)

Kính gửi: …………………………. (...4...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số ...../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- Căn cứ (...5..);

(....2....) đề nghị được cấp phép thi công (...6...) tại (...7...)Thời gian thi công bắt đầu từ ngày ... tháng ... năm ... đến hết ngày .. .tháng ... năm ...

Xin gửi kèm theo các tài liệu sau:

+ (...5...) (bản sao có xác nhận của Chủ đầu tư).

+ (...8...) (bản chính).

+ (...9...).

(...2...) Đối với thi công công trình thiết yếu: xin cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình và không đòi bồi thường khi ngành đường bộ có yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được triển khai xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận.

(...2...) Đối với thi công trên đường bộ đang khai thác: xin cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, hạn chế ùn tắc giao thông đến mức cao nhất và không gây ô nhiễm môi trường.

(...2...) xin cam kết thi công theo đúng Hồ sơ thiết kế đã được (...10...) phê duyệt và tuân thủ theo quy định của Giấy phép thi công. Nếu thi công không thực hiện các biện pháp bảo đảm giao thông thông suốt, an toàn theo quy định, để xảy ra tai nạn giao thông, ùn tắc giao thông, ô nhiễm môi trường nghiêm trọng, (...2...) chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Địa chỉ liên hệ: ……….

Số điện thoại: ………..

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như trên; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) **QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**26. Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với đường quốc lộ đang khai thác.**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1:** Chuẩn bị đầy đủ hồ sơ theo quy định của pháp luật.

**Bước 2:** Nộp hồ sơqua đường bưu điện hoặc trực tiếp tạiBộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long (số 83, đường 30/4, phường 1, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long). Công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:

*\* Đối với trường hợp nộp trực tiếp, công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ thì viết giấy hẹn trao cho người nộp hồ sơ theo quy định.

+ Trường hợp hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì công chức tiếp nhận hồ sơ hướng dẫn để người nộp hồ sơ bổ sung kịp thời.

*\* Đối với trường hợp gửi qua đường bưu điện công chức tiếp nhận hồ sơ kiểm tra thành phần, tính pháp lý và nội dung hồ sơ:*

+ Trường hợp hồ sơ đã đầy đủ, hợp lệ, thì sau **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ thông báo ngày trả kết quả bằng điện thoại hoặc gửi giấy hẹn qua email hoặc đường bưu điện cho người nộp.

+ Nếu hồ sơ thiếu, hoặc không hợp lệ thì sau **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, công chức tiếp nhận hồ sơ gửi văn bản qua đường bưu điện thông báo cho người nộp và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ.

**Bước 3:** Nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thuộc Văn phòng Sở Giao thông vận tải tỉnh Vĩnh Long, như sau:

+ Khi đến nhận kết quả giải quyết thủ tục hành chính, người nhận phải trả lại giấy hẹn và ký vào sổ trả kết quả.

+ Công chức trả kết quả kiểm tra lần cuối kết quả giải quyết và trao cho người nhận.

+ Người nhận kết quả kiểm tra lại kết quả giải quyết thủ tục hành chính, nếu phát hiện có sai sót hoặc không đúng thì yêu cầu điều chỉnh lại cho đúng.

Thời gian tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả: từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00; 13 giờ 00 đến 17 giờ 00; từ thứ hai đến thứ sáu hàng tuần; thứ bảy làm việc từ 07 giờ 00 đến 11 giờ 00 (trừ các ngày nghỉ theo quy định).

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại cơ quan hành chính nhà nước hoặc qua đường bưu điện.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ (***quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017).*

*a) Thành phần hồ sơ:*

- Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình *(theo mẫu tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015).*

*b) Số lượng hồ sơ:* 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định *(quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017).*

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân, tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Văn bản chấp thuận thực hiện dự án.

**- Phí, lệ phí:** không.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu của chủ công trình.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT, ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

+ Thông tư số 35/2017/TT-BGTVT, ngày 09/10/2017 của Bộ Giao thông vận tải, sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

Mẫu đơn:

|  |  |
| --- | --- |
| (1)  (2)  ------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: …../….. | *…., ngày …. tháng …. năm 201….* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH THIẾT YẾU TRONG PHẠM VI BẢO VỆ KẾT CẤU HẠ TẦNG GIAO THÔNG ĐƯỜNG BỘ**

Gia hạn xây dựng (...3...)

- Căn cứ Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số [100/2013/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=100/2013/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 03 tháng 9 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Thông tư số .../TT-BGTVT ngày ... tháng ... năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số [11/2010/NĐ-CP](http://thuvienphapluat.vn/phap-luat/tim-van-ban.aspx?keyword=11/2010/N%C4%90-CP&area=2&type=0&match=False&vc=True&lan=1) ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;

- (……..5…….)

(.. .2...) đề nghị được gia hạn xây dựng công trình, nêu rõ lý do gia hạn.

Gửi kèm theo các tài liệu sau:

- Bản sao chụp Văn bản chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu;

- (…….6…….)

(.. .2...) cam kết tự di chuyển hoặc cải tạo công trình thiết yếu và không đòi bồi thường khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu di chuyển hoặc cải tạo; đồng thời, hoàn chỉnh các thủ tục theo quy định của pháp luật có liên quan để công trình thiết yếu được gia hạn xây dựng trong thời hạn có hiệu lực của Văn bản chấp thuận gia hạn.

Địa chỉ liên hệ: ………….

Số điện thoại: ……………

|  |  |
| --- | --- |
| *Nơi nhận:* - Như trên; - ………….; - ………….; - Lưu VT. | (…2….) QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**III. Lĩnh vực Đường thuỷ nội địa.**

**1. Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức hoặc *thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc* (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức *lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03* ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức (đối với trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ).

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến *giờ* hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ giải quyết xong sớm hơn: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu này đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy phép hoặc tờ khai phương tiện nhập khẩu theo quy định của pháp luật đối với phương tiện được nhập khẩu;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật khi thực hiện đăng ký không phải xuất trình  Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải;

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.

**- Phí, lệ phí:** 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa.

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ *Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.*

*Mẫu: Đơn đề nghị*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ   
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chưa khai thác, đăng ký lần đầu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ………………

- Trụ sở chính: (1) …………………………………………………………………………….

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………………………

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Ký hiệu thiết kế: ………………………

Công dụng: ……………………………………………………………………………………

Năm và nơi đóng: ……………………………………………………………………………

Cấp tàu: ……………………………………… Vật liệu vỏ: ………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ……………………m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: …………………m

Chiều cao mạn: …………………………. m Chiều chìm: …………………………m

Mạn khô: …………………………………. m Trọng tải toàn phần: …………………... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ………………………… tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………………………

………………………………………………………………………………………………..

Máy phụ *(nếu có)*: ……………………………………………………………………………

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có)*: ……………..ngày ….. tháng ….. năm 20 …….

Do cơ quan ………………………………………………………………………………cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số: ………………………………

……………………………………………… do cơ quan ……………………………cấp.

Hóa đơn nộp lệ phí trước bạ số ………. ngày ……. tháng …….. năm 20 ……….

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN (2)** |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

***Mẫu: Bản kê khai***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**BẢN KÊ KHAI  
ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ………………

- Trụ sở chính: (1) ……………………………………………………………………………

- Điện thoại: ………………………………….. Email: ………………………………………

Loại phương tiện: ……………………………………………………………………………

Vật liệu đóng phương tiện: ……………………………………………………………………

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (………….x………x………..x……..) m

Máy (loại, công suất): ………………………………………../………………………… (cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần: …………………………………. tấn.

b) Sức chở người: ……………………………………….. người.

Tình trạng thân vỏ: …………………………………………………………………………..

Tình trạng hoạt động của máy: ………………………………………………………………

Dụng cụ cứu sinh: số lượng ………………… (chiếc); Loại …………………………………

Đèn tín hiệu: .…………………………………………………………………………………

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …………, ngày .... tháng .... năm …… **Chủ phương tiện** (2) *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**2. Đăng ký lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức hoặc *thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc* (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức *lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03* ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức (đối với trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ).

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến *giờ* hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ giải quyết xong sớm hơn: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

- Đối với phương tiện đang khai thác trước ngày 01/01/2005, thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Thông tư 75/2014/TT-BGTVT.

- Đối với phương tiện được đóng mới trong nước sau ngày 01/01/2005, ngoài việc thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 11, chủ phương tiện phải xuất trình thêm bản chính của hợp đồng mua bán phương tiện hoặc hợp đồng đóng mới phương tiện đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra, trừ trường hợp chủ phương tiện là cơ sở đóng mới, hoán cải, sửa chữa và phục hồi phương tiện được phép hoạt động theo quy định của pháp luật.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.

**- Phí, lệ phí:** 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa.

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

*+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.*

**Mẫu Đơn đề nghị**

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**  **PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  *(Dùng cho phương tiện đang khai thác, đăng ký lần đầu)* | |

***Kính gửi*:** .....................................................................................

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………… đại diện cho các đồng sở hữu …...

- Trụ sở chính: (1)……………...................................................................

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………….

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ......................... Chiều cao mạn: ........................m

Năm hoạt động:............................ Chiều chìm:…….......................m

Công dụng:……..………………. Mạn khô:……………….……..m

Năm và nơi đóng:..................…… Trọng tải toàn phần: ................tấn

Vật liệu vỏ:………........………… Số người có thể chở:……... người

Chiều dài lớn nhất:..................(m) Sức kéo, đẩy…………..…….. tấn

Chiều rộng lớn nhất:……..…..(m)

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất):*........................................

Máy phụ *(nếu có):* ....................................…........................................................

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc đóng tại ...)*:………..……………………

……...………...................*(cá nhân hoặc tổ chức)*.....……..................................

Địa chỉ : ................................................................................................................

Thời gian *(mua, tặng, đóng)*……………..……..…. ngày...... tháng ...... năm ....

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số ................................. ngày ..... tháng ..... năm....

Nay đề nghị .............................................……………… đăng ký phương tiện trên.

Tôi xin cam đoan lời khai trên là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyền sở hữu hợp pháp đối với phương tiện và lời khai trên.

Xác nhận của đại diện chính quyền địa phương cấp phường, xã

*(Nội dung: Xác nhận ông, bà ……………đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương có phương tiện nói trên và không tranh chấp về quyền sở hữu)*

*(Ký tên, đóng dấu)*

.........., ngày .... tháng .... năm 20… 200...

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

*(Ký tên)*

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ……….

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………..

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………….

Loại phương tiện: ......................................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: .......................................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x.......x........) m

Máy (loại, công suất):............................................./............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.................................... tấn.

b) Sức chở người:......................................... người.

Tình trạng thân vỏ:.....................................................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: .................................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại ..................................................

Đèn tín hiệu: ..............................................................................................................

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày .... tháng .... năm 20.....  **Chủ phương tiện** (2)  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**3. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức hoặc *thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc* (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức *lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03* ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức (đối với trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ).

*+ Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến *giờ* hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ giải quyết xong sớm hơn: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ Giấy chứng nhận xóa đăng ký của cơ quan đăng ký phương tiện trước đó (bản chính) đối với phương tiện là tàu biển;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với trường hợp chuyển quyền sở hữu và phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm;

+ Giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam đối với tổ chức nước ngoài hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam đối với cá nhân nước ngoài;

+ Hợp đồng cho thuê tài chính đối với trường hợp tổ chức cho thuê tài chính đề nghị được đăng ký phương tiện tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú của bên thuê.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả của việc thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy chứng nhận.

**- Phí, lệ phí:** Lệ phí: 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

*+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.*

**Mẫu: Đơn đề nghị**

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ**  **PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  *(Dùng cho phương tiện chuyển từ cơ quan đăng ký khác*  *sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa)* |

***Kính gửi*:** .....................................................................................

- Tổ chức, cá nhân đăng ký:……..… đại diện cho các đồng sở hữu …….

- Tên cơ quan cấp đăng ký trước đây: ……………………………………

- Trụ sở chính: (1)…………………………………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:…………………………

**Đề nghị cơ quan cấp đăng ký phương tiện thủy nội địa**

**với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: .................................. Ký hiệu thiết kế: ..................

Công dụng: ............................................................................................................

Năm và nơi đóng: ........................................................................…….….............

Cấp tàu: ................................................. Vật liệu vỏ: ..........................

Chiều dài thiết kế: ............................... m Chiều dài lớn nhất: ...........m

Chiều rộng thiết kế:............................. m Chiều rộng lớn nhất:.........m

Chiều cao mạn: ................................... m Chiều chìm: .............……m

Mạn khô: ............................................. m Trọng tải toàn phần:….tấn

Số người được phép chở: ............. người Sức kéo, đẩy: ..................tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất ):*.......................................

Máy phụ *(nếu có):* ................................................................................................

Giấy phép nhập khẩu số *(nếu có):* ..................... ngày ..... tháng ..... năm 20.....

Do cơ quan ...................................................................................................cấp.

Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường số:.…………………

.....................................................do cơ quan ...........................……………cấp.

Hoá đơn nộp lệ phí trước bạ số ............ ngày ..... tháng ..... năm 20......

Tôi cam đoan chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

………, ngày……tháng……năm 20.…

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………

Loại phương tiện: ......................................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: .......................................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x.......x........) m

Máy (loại, công suất):............................................./............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.................................... tấn.

b) Sức chở người:......................................... người.

Tình trạng thân vỏ:.....................................................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: .................................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại ..................................................

Đèn tín hiệu: ..............................................................................................................

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày .... tháng .... năm 20.....  **Chủ phương tiện** (2)  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**4. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức hoặc *thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc* (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức *lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03* ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức (đối với trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ).

*+ Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến *giờ* hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ giải quyết xong sớm hơn: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tính năng kỹ thuật:

+ Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

* Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;
* 02 (hai) ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
* Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ;
* Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;
* Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.

+ Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

- Đối với phương tiện đăng ký lại do thay đổi tên:

* Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;
* 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;
* Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;
* Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa theo mẫu đối với phương tiện không thuộc diện đăng kiểm.
* Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện được cấp còn hiệu lực sau khi phương tiện đã thay đổi tính năng kỹ thuật đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**- Phí, lệ phí:** 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:**

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

+ Bản kê khai điều kiện an toàn của phương tiện thủy nội địa.

**- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

*+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.*

**Mẫu: Đơn đề nghị**

|  |  |
| --- | --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** | |
| **ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI**  **PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**  *(Dùng cho phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật)* | |

***Kính gửi*:** .....................................................................................

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ………

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………

- Điện thoại:…………………..………..Email:…………………………

**Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện có đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ................................. Số đăng ký: ...................................

do….............................…….................. cấp ngày ...... tháng ...... năm ....…

Công dụng: ........................................... Ký hiệu thiết kế: ............................

Năm và nơi đóng: ………………………………………………………………

Cấp tàu: ......................................……. ... Vật liệu vỏ: ....................................

Chiều dài thiết kế: ......................…….m Chiều dài lớn nhất: .......…..........m

Chiều rộng thiết kế:.........................….m Chiều rộng lớn nhất:...................m

Chiều cao mạn: ..............................…..m Chiều chìm: ................................m

Mạn khô: …....................................... m Trọng tải toàn phần:..................tấn

Số người được phép chở: ............. người Sức kéo, đẩy: ............................tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất ):* …………...............Máy phụ *(nếu có):* .........................….......................................................................

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện trên với lý do: …………………..

……………………………………………………………………………………

*(Nêu các thông số kỹ thuật thay đổi của phương tiện xin đăng ký lại)*

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

........, ngày .... tháng .... năm 20.....

**CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2)

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**Mẫu: Bản kê khai**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**

**ĐIỀU KIỆN AN TOÀN CỦA PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

**PHẢI ĐĂNG KÝ NHƯNG KHÔNG THUỘC DIỆN ĐĂNG KIỂM**

*(Dùng cho loại phương tiện không có động cơ trọng tải toàn phần từ 01 đến dưới 15 tấn hoặc có sức chở từ 05 đến 12 người, phương tiện có động cơ công suất máy chính dưới 05 sức ngựa hoặc có sức chở dưới 05 người)*

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: …… đại diện cho các đồng sở hữu ……….

- Trụ sở chính: (1)………………………………………………………..

- Điện thoại:…………………..………..Email:………………………….

Loại phương tiện: ......................................................................................................

Vật liệu đóng phương tiện: .......................................................................................

Kích thước phương tiện: (Lmax x Bmax x D x d) = (.............x.........x.......x........) m

Máy (loại, công suất):............................................./............................................(cv)

Khả năng khai thác: a) Trọng tải toàn phần:.................................... tấn.

b) Sức chở người:......................................... người.

Tình trạng thân vỏ:.....................................................................................................

Tình trạng hoạt động của máy: .................................................................................

Vạch dấu mớn nước an toàn đã được sơn (kẻ) trên hai mạn và mạn khô còn:…mm

Dụng cụ cứu sinh: số lượng.............. (chiếc); Loại ..................................................

Đèn tín hiệu: ..............................................................................................................

Tôi cam đoan tất cả các phần ghi trong bản kê khai này là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | .........., ngày .... tháng .... năm 20.....  **Chủ phương tiện** (2)  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**5. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức hoặc *thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc* (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức *lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03* ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức (đối với trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ).

*+ Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến *giờ* hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ giải quyết xong sớm hơn: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính) đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**- Phí, lệ phí:** 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

**- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.

**Mẫu: Đơn đề nghị**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ………………

- Trụ sở chính: (1) ……………………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………………………

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Số đăng ký: …………………………….

Công dụng: ……………………………….. Ký hiệu thiết kế: …………………………

Năm và nơi đóng: …………………………………………………………………………

Cấp tàu: ……………………………………… Vật liệu vỏ: ……………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ……………………. m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: …………………m

Chiều cao mạn: …………………………m Chiều chìm: ……………………………m

Mạn khô: …………………………………m Trọng tải toàn phần: …………………...tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: …………………………. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: …………………………………………………………………………..

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc điều chuyển …):* ………………………………………  
từ *(ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)* …………………………………………………………….

Địa chỉ: ……………………………………………………………………………………….

Đã đăng ký tại …………………………………………………… ngày ….. tháng ….. năm...

Nay đề nghị …………………………………………………. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**6. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức hoặc *thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc* (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức *lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03* ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức (đối với trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ).

*+Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến *giờ* hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ giải quyết xong sớm hơn: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó;

+ Biên lai nộp lệ phí trước bạ (bản chính), đối với phương tiện thuộc diện phải nộp lệ phí trước bạ.

- Xuất trình bản chính các loại giấy tờ sau đây để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra:

+ Hợp đồng mua bán phương tiện hoặc quyết định điều chuyển phương tiện của cơ quan có thẩm quyền hoặc giấy tờ khác chứng minh phương tiện được cho, tặng, thừa kế theo quy định của pháp luật. Trường hợp chủ phương tiện là tổ chức, cá nhân nước ngoài đứng tên đăng ký lại phương tiện thì phải xuất trình giấy tờ chứng minh được phép hoạt động và có trụ sở tại Việt Nam hoặc giấy tờ chứng minh được phép cư trú tại Việt Nam;

+ Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm..

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**- Phí, lệ phí:** 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

**- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

*+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.*

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chuyển quyền sở hữu)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ………………

- Trụ sở chính: (1) ……………………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………………………

**Đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Số đăng ký: …………………………….

Công dụng: ……………………………….. Ký hiệu thiết kế: …………………………

Năm và nơi đóng: ……………………………………………………………………………

Cấp tàu: ……………………………………… Vật liệu vỏ: ……………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ……………………. m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: …………………m

Chiều cao mạn: …………………………m Chiều chìm: ……………………………m

Mạn khô: …………………………………m Trọng tải toàn phần: …………………... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: …………………………. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: …………………………………………………………………………..

Phương tiện này được *(mua lại, hoặc điều chuyển …):* ………………………………………  
từ *(ông, bà hoặc cơ quan, đơn vị)* ……………………………………………………………

Địa chỉ: ………………………………………………………………………………………

Đã đăng ký tại …………………………………………………… ngày ….. tháng ….. năm...

Nay đề nghị …………………………………………………. đăng ký lại phương tiện trên.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**7. Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức hoặc *thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc* (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức *lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03* ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức (đối với trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ).

*+ Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến *giờ* hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ giải quyết xong sớm hơn: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện

+ Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi;

+ Hồ sơ gốc còn dấu niêm phong, thành phần hồ sơ gốc ứng với từng trường hợp đăng ký đã được cơ quan đăng ký phương tiện cấp trước đó.

- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**- Phí, lệ phí:** 70.000 đồng/Giấy chứng nhận.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị đăng ký lại phương tiện thủy nội địa.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

*+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.*

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
------------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ LẠI  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

*(Dùng cho phương tiện chỉ thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện)*

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ………………

- Trụ sở chính: (1) ……………………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………………………

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ……….. Số đăng ký: ……………………………

do ………………………………………….. cấp ngày ….. tháng ….. năm …….

có đặc điểm cơ bản như sau:

Ký hiệu thiết kế: Cấp tàu: …………………………………

Công dụng: ……………………………….. Vật liệu vỏ: ………………………………

Năm và nơi đóng: ……………………………………………………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ……………………. m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: ……………………m

Chiều cao mạn: …………………………. m Chiều chìm: ……………………………m

Mạn khô: …………………………………. m Trọng tải toàn phần: ………………….. tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: …………………………..tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ……………………………………………………………………………

Nay đề nghị cơ quan đăng ký lại phương tiện theo địa chỉ mới là: .…………………………

*(nêu lý do thay đổi địa chỉ)*

Tôi cam đoan chịu hoàn toàn trách nhiệm và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**8. Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện.**

**1. Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức hoặc *thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc* (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức *lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03* ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức (đối với trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ).

*+ Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến *giờ* hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ giải quyết xong sớm hơn: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Giấy tờ phải nộp để lưu giữ tại cơ quan đăng ký phương tiện:

+ Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu;

+ 02 ảnh có kích thước 10 x 15 cm chụp toàn bộ mạn phải của phương tiện ở trạng thái nổi.

+ Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp đối với trường hợp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện bị hỏng.

- Xuất trình bản chính Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện còn hiệu lực đối với phương tiện thuộc diện đăng kiểm để cơ quan đăng ký phương tiện kiểm tra.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận.

**- Phí, lệ phí: 7**0.000 đồng/Giấy chứng nhận

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa.

**- Yêu cầu điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa;

*+ Thông tư số 198/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực đường thủy nội địa và đường sắt.*

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ………………

- Trụ sở chính: (1) ……………………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………………………

Hiện đang là chủ sở hữu phương tiện: ………………………… Số đăng ký: ………………

do ………………………………………………………. cấp ngày ….. tháng ….. năm ……..

Công dụng: ……………………………….. Vật liệu vỏ: ………………………………

Năm và nơi đóng: ……………………………………………………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ……………………..m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: ………………… m

Chiều cao mạn: …………………………. m Chiều chìm: ……………………………m

Mạn khô: …………………………………. m Trọng tải toàn phần: …………………... tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: …………………………. tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ………………………………………

…………………………………………………………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ……………………………………………………………………………

Nay đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký lại phương tiện thủy nội địa với lý do:

…………………………………………………………………………………………………

Tôi cam đoan lời khai trên là đúng sự thực và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về lời khai của mình.

|  |  |
| --- | --- |
|  | ……, ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**9. Xóa đăng ký phương tiện**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân, tổ chức chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức hoặc *thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc* (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức *lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03* ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức (đối với trường hợp nộp hồ sơ sau 15 giờ).

*+ Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến *giờ* hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ giải quyết xong sớm hơn: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

- Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa đã được cấp.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận

**- Phí, lệ phí:** Không có.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa theo mẫu.

**- Yêu cầu hoặc điều kiện thực hiện TTHC:** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+ Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 75/2014/TT-BGTVT ngày 19/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định đăng ký phương tiện thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM   
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
----------------**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ XÓA ĐĂNG KÝ  
PHƯƠNG TIỆN THỦY NỘI ĐỊA**

***Kính gửi:*** ………………………………………………………………..

- Tổ chức, cá nhân đăng ký: ………………… đại diện cho các đồng sở hữu ……………

- Trụ sở chính: (1) ……………………………………………………………………………

- Điện thoại: ……………………………………. Email: ……………………………………

**Đề nghị cơ quan xóa đăng ký phương tiện thủy nội địa với đặc điểm cơ bản như sau:**

Tên phương tiện: ………………………… Số đăng ký: …………………………….

Công dụng: ……………………………….. Ký hiệu thiết kế: ………………………

Năm và nơi đóng: ……………………………………………………………………………

Cấp tàu: ……………………………………… Vật liệu vỏ: ………………………………

Chiều dài thiết kế: ……………………….. m Chiều dài lớn nhất: ……………………..m

Chiều rộng thiết kế: ……………………… m Chiều rộng lớn nhất: ………………… m

Chiều cao mạn: …………………………. m Chiều chìm: ……………………………m

Mạn khô: …………………………………. m Trọng tải toàn phần: ………………….. tấn

Số người được phép chở: …………. người Sức kéo, đẩy: ………………………….tấn

Máy chính *(số lượng, kiểu, nước sản xuất, công suất)*: ……………………………………

…………………………………………………………………………………………………

Máy phụ *(nếu có)*: ……………………………………………………………………………

Nay đề nghị ………………………………………………xóa đăng ký phương tiện trên.

Lý do xóa đăng ký ……………………………………………………………………………

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc sở hữu phương tiện trên và chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật về quản lý và sử dụng phương tiện.

|  |  |
| --- | --- |
|  | …., ngày ….. tháng ….. năm 20…… **CHỦ PHƯƠNG TIỆN** (2) |

*(1) Địa chỉ chủ phương tiện đặt trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú hoặc nơi đăng ký tạm trú đối với trường hợp chủ phương tiện là cá nhân chưa có hộ khẩu thường trú nhưng có đăng ký tạm trú tại địa phương.*

*(2) Nếu chủ phương tiện là tổ chức, phải có người đại diện tổ chức ký tên, đóng dấu.*

**10. Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận tải.**

**- Trình tự thực hiện:**

a) Nộp hồ sơ TTHC: Cá nhân có nhu cầu cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn (GCNKNCM), chứng chỉ chuyên môn (CCCM) nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:* Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

*+ Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

- Đơn đề nghị theo mẫu;

- 02 ảnh màu cỡ 2x3 cm, ảnh chụp không quá 06 tháng;

- Giấy chứng nhận sức khoẻ do cơ sở y tế có thẩm quyền cấp;

- Bản sao kèm bản chính để đối chiếu (trong trường hợp gửi trực tiếp) hoặc bản sao chứng thực của các loại bằng, Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ liên quan hoặc bản dịch công chứng sang tiếng Việt (đối với bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn hoặc chứng chỉ khả năng chuyên môn thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp) để chứng minh đủ điều kiện cấp, cấp lại, chuyển đổi tương ứng với loại Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** *Trả kết quả sau 15 giờ cùng ngày. Nếu hồ sơ nhận vào buổi chiều thì trả kết quả vào lúc 9 giờ sáng ngày hôm sau.*

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải.

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn.

**- Phí, lệ phí:**

+ Lệ phí cấp, đổi GCNKNCM: 50.000 đồng/lần;

+ Lệ phí cấp, đổi chứng chỉ chuyên môn: 20.000 đồng/lần.

**- Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:**

a) Cấp GCNKNCM:

- Cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản:

+ Hoàn thành một trong các chương trình đào tạo, bổ túc, bồi dưỡng nghề theo quy định tại Thông tư 56/2014/TT-BGTVT.

+ Người có bằng, chứng chỉ nghiệp vụ được cấp trước ngày 01/01/2015, có tên trong sổ cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ của cơ quan cấp bằng, chứng chỉ nghiệp vụ, được cấp chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản tại các cơ sở dạy nghề

- Cấp GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba:

+ Có chứng chỉ sơ cấp nghề thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba hoặc có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề, trung cấp chuyên nghiệp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu thủy, nghề máy tàu thủy;

+ Hoàn thành thời gian tập sự theo chức danh thuyền trưởng hạng ba, máy trưởng hạng ba đủ 06 tháng trở lên.

b) Cấp lại giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có GCNKNCM, CCCM bị hỏng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM, CCCM của cơ quan cấp GCNKNCM, CCCM, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.

- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng:

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng 12 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng trên 12 tháng đến dưới 24 tháng, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng quá thời hạn sử dụng từ 24 tháng trở lên, kể từ ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng bằng đã được cấp.

- Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn:

+ Người có GCNKNCM trong thời hạn 03 tháng trước khi GCNKNCM hết hạn hoặc quá thời hạn sử dụng 03 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 03 tháng đến dưới 06 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại lý thuyết để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 06 tháng đến dưới 12 tháng, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự thi lại cả lý thuyết và thực hành để cấp lại GCNKNCM;

+ Người có GCNKNCM quá thời hạn sử dụng từ 12 tháng trở lên, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.

- Người có GCNKNCM còn hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý, trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định, được cấp lại GCNKNCM.

- Người có GCNKNCM quá hạn sử dụng bị mất, có tên trong sổ cấp GCNKNCM của cơ quan cấp GCNKNCM, không bị các cơ quan có thẩm quyền thu giữ, xử lý thì được dự học, thi lấy GCNKNCM tương ứng với từng loại, hạng GCNKNCM đã được cấp.

- GCNKNCM, CCCM bị mất khi cấp lại vẫn giữ nguyên số cũ, đồng thời cơ quan cấp phải gửi thông báo hủy GCNKNCM, CCCM cũ tới các cơ quan liên quan.

- Người có GCNKNCM thuyền trưởng từ hạng tư trở lên có nhu cầu, được cấp chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất.

c)  Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp

- Người có bằng thuyền trưởng, bằng máy trưởng được cấp trước ngày 01/01/2015 thì tiếp tục được sử dụng đến hết ngày 31/12/2019, có tên trong sổ cấp bằng của cơ quan cấp bằng, được cấp lại GCNKNCM, CCCM.

- Bằng thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn đã cấp được cấp lại như sau:

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì;

+ Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba;

+ Người có bằng thuyền trưởng hạng ba hạn chế được cấp lại GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thủy thủ hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ thợ máy được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ thợ máy chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ thợ máy hạng nhì;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất;

+ Người có chứng chỉ lái phương tiện chương trình hạn chế được cấp lại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhì.

d) Chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn

- Người có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp; người nước ngoài hoặc người Việt Nam cư trú ở nước ngoài có bằng thuyền trưởng, máy trưởng hoặc chứng chỉ về thuyền trưởng, máy trưởng do các cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài cấp, nếu có nhu cầu làm việc trên các phương tiện thủy nội địa thì phải làm thủ tục chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM phương tiện thủy nội địa tương ứng theo quy định.

- Đối với chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng, chứng chỉ chuyên môn tàu cá:

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư từ 400 cv trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu cá hạng tư đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng năm từ 90 cv đến dưới 400 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng năm đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng năm từ 90 cv đến dưới 400 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng năm đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ máy trưởng tàu cá hạng nhỏ từ 20 cv đến dưới 90 cv, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh máy trưởng tàu cá hạng nhỏ đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải hoàn thành chương trình bổ túc máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu cá được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thuyền trưởng tàu cá từ hạng nhỏ trở lên và từ 55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với loại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

- Đối với GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng, CCCM tàu biển:

+ Người có bằng tốt nghiệp cao đẳng nghề hoặc cao đẳng trở lên được đào tạo theo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 500 GT trở lên hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 750 kW trở lên, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có bằng tốt nghiệp trung cấp nghề hoặc trung cấp được đào tạo theo nghề điều khiển tàu biển hoặc nghề máy tàu biển, có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT đến dưới 500 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển từ 75 kW đến dưới 750 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng nhì và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT hoặc có GCNKNCM máy trưởng tàu biển dưới 75 kW, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng, máy trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự học để thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng, máy trưởng hạng ba và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển dưới 50 GT, có thời gian đảm nhiệm theo chức danh thuyền trưởng tàu biển tương ứng đủ 06 tháng trở lên được chuyển đổi sang GCNKNCM thuyền trưởng hạng tư phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự thi các môn thi tương ứng với thuyền trưởng hạng tư và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có chứng chỉ thủy thủ, thợ máy tàu biển được chuyển đổi tương ứng sang chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với chứng chỉ thủy thủ, thợ máy hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định;

+ Người có GCNKNCM thuyền trưởng tàu biển từ 50 GT trở lên và từ 55 tuổi đối với nữ, 60 tuổi đối với nam trở lên, đủ sức khỏe theo quy định, được chuyển đổi sang chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất phương tiện thủy nội địa nhưng phải dự kiểm tra các môn kiểm tra tương ứng với loại chứng chỉ lái phương tiện hạng nhất và phải đạt yêu cầu theo quy định.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

+Luật Giao thông đường thủy nội địa 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014;

+ Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24/10/2014 của Bộ trưởng Bộ GTVT Quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy đường thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy đường thủy nội địa;

+ Thông tư số 02/2017/TT-BGTVT ngày 20/01/2017 của Bộ trưởng Bộ GTVT Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 56/2014/TT-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa và đảm nhiệm chức danh thuyền viên phương tiện thủy nội địa.

+ Thông tư số 47/2005/TT-BTC ngày 08/6/2005 của Bộ Tài chính Hướng dẫn chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí, lệ phí quản lý Nhà nước về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường thủy nội địa.

***Mẫu: Đơn đề nghị***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**DỰ HỌC, THI, KIỂM TRA, CẤP, CẤP LẠI, CHUYỂN ĐỔI GCNKNCM, CCCM**

Kính gửi: (cơ quan có thẩm quyền cấp)………........…...…

Ảnh màu

cỡ 2x3 cm,

ảnh chụp không quá

06 tháng(**\*)**

Tên tôi là:………………..………; Quốc tịch…….……..……; Nam (Nữ)

Sinh gày…….tháng…….năm…………………………….....…………….

Nơi cư trú:…………………………………………………………....……

Điện thoại:..............................................; Email:.........................................

Số CMND (hoặc Hộ chiếu):…………………...do……………….....…….

cấp ngày…….tháng……..năm………………………………………………........

Tôi đã tốt nghiệp ngành học:…………...…, khóa:…., Trường:……......…,

đã được cấp bằng, GCNKNCM, CCCM số:………..ngày…...tháng.....năm……..

theo Quyết định số:…………., ngày….….tháng.…....năm….....của……………..

Quá trình làm việc trên phương tiện thủy nội địa:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TỪ.............ĐẾN..............** | **CHỨC DANH** | **NƠI LÀM VIỆC** | **SỐ PTTNĐ** | **GHI CHÚ** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

Đối chiếu với tiêu chuẩn, điều kiện dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi GCNKNCM, CCCM, tôi thấy đủ điều kiện:

|  |  |
| --- | --- |
| + Dự học để thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Dự thi, kiểm tra lấy GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Cấp lại GCNKNCM, CCCM: |  |
| + Chuyển đổi GCNKNCM, CCCM: |  |

Đề nghị (cơ quan có thẩm quyền cấp)…......................…cho tôi được dự học, thi, kiểm tra, cấp, cấp lại, chuyển đổi:……........................………………….

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  |  | ………, ngày……..tháng…..năm….  **Người đề nghị**  *(Ký, ghi rõ họ và tên)* |

**C. Danh mục thủ tục hành chính thay thế thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải.**

**I. Lĩnh vực Đường bộ.**

**1. Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch.**

**- Trình tự thực hiện:**

**a) Nộp hồ sơ TTHC:** Tổ chức có nhu cầu chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính đến Bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ của Sở Giao thông vận tải (Số 83, Đường 30/4, phường 1, Thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long)

b) Giải quyết TTHC:

*+ Bước 1:*

Tiếp nhận hồ sơ: Công chức tiếp nhận hồ sơ tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

Trường hợp hồ sơ không thuộc phạm vi giải quyết thì hướng dẫn để cá nhân, tổ chức đến cơ quan có thẩm quyền giải quyết;

Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì có phiếu hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ cho cá nhân, tổ chức theo mẫu số 01 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg ngay trong ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ trực tiếp) hoặc thông báo và hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ trong 02 ngày làm việc (đối với trường hợp nộp hồ sơ qua hệ thống bưu chính hoặc hình thức phù hợp khác)

Công chức lập Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả theo mẫu số 03 ban hành kèm theo Quyết định số 09/2015/QĐ-TTg trong đó ghi rõ ngày trả kết quả và gửi cho cá nhân, tổ chức.

*+ Bước 2:* Trả kết quả giải quyết hồ sơ:

Đến ngày hẹn trả kết quả, công chức trả kết quả giải quyết hồ sơ cho cá nhân, tổ chức và thu phí, lệ phí.

Trường hợp cá nhân, tổ chức đã đăng ký nhận kết quả qua dịch vụ bưu chính thì việc trả kết quả, thu phí, lệ phí và cước phí được thực hiện qua dịch vụ bưu chính.

Đối với hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để yêu cầu bổ sung hồ sơ theo thông báo của cơ quan, tổ chức giải quyết hồ sơ và văn bản xin lỗi của Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả (nếu là lỗi của công chức khi tiếp nhận hồ sơ);

Đối với hồ sơ không giải quyết: Liên hệ với cá nhân, tổ chức để trả lại hồ sơ kèm theo thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho tổ chức, cá nhân sau 02 ngày làm việc, kể từ ngày có kết quả thẩm định;

Đối với hồ sơ quá hạn giải quyết: Thông báo thời hạn trả kết quả lần sau và chuyển văn bản xin lỗi của cơ quan, tổ chức làm quá hạn giải quyết cho cá nhân, tổ chức;

Đối với hồ sơ giải quyết xong trước thời hạn trả kết quả: Liên hệ để cá nhân, tổ chức nhận kết quả.

**- Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Sở Giao thông vận tải hoặc qua hệ thống bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

a) Thành phần hồ sơ:

Văn bản đề nghị kiểm tra cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

b) Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**- Thời hạn giải quyết:** 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

**- Đối tượng thực hiện TTHC:** Tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Giao thông vận tải;

**- Kết quả thực hiện TTHC:** Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động.

**- Phí, lệ phí: Không có.**

**- Tên mẫu đơn: Không có.**

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC:** Trung tâm sát hạch lái xe thỏa mãn các yêu cầu quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ ban hành kèm theo Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

+ Trước khi Giấy chứng nhận hết hạn 30 ngày, Trung tâm sát hạch lái xe nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động đến Sở Giao thông vận tải.

+ Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động được cấp lại khi hết hạn hoặc trong quá trình hoạt động có thay đổi về phần mềm sát hạch, thiết bị chấm điểm; chủng loại, số lượng ô tô sát hạch.

**- Căn cứ pháp lý của TTHC:**

**+ Luật Giao thông đường bộ năm 2008;**

**+** Thông tư số 79/2015/TT-BGTVT ngày 10/12/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trung tâm sát hạch lái xe cơ giới đường bộ;

+ Nghị định số 65/2016/NĐ-CP ngày 01/07/2016 của Chính phủ quy định về kinh doanh dịch vụ đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.